



CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI
TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ CẢNH BÁO

BẢN TIN ĐIỆN TỬ

CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI
CHO CÁC DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU VIỆT NAM
TRONG BỐI CẢNH THỰC THI HIỆP ĐỊNH CPTPP



Số 3 - Năm 2025



MỤC LỤC

1– Cơ sở pháp lý về điều tra chống lẩn tránh biện pháp CBPG/CTC của một số nước thành viên CPTPP.....	3
2– Các hình thức lẩn tránh biện pháp CBPG/CTC phổ biến mà doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý.....	7
3– Quy trình điều tra chống lẩn tránh biện pháp CBPG/CTC của một số nước thành viên CPTPP.....	11
4– Thực tiễn điều tra chống lẩn tránh biện pháp CBPG/CTC của một số nước thành viên CPTPP	15
5– Phân tích một số sản phẩm có nguy cơ bị điều tra chống lẩn tránh biện pháp CBPG/CTC tại thị trường các nước thành viên CPTPP.....	20
6– Đánh giá tác động của các biện pháp chống lẩn tránh CBPG/CTC đối với doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu sang thị trường CPTPP.....	28
7- Các biện pháp phòng ngừa và xây dựng hệ thống tuân thủ nội bộ để giảm nguy cơ bị điều tra chống lẩn tránh CBPG/CTC.....	36
8 - Hướng dẫn doanh nghiệp Việt Nam cần làm gì khi đối mặt với vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế CBPG/CTC của các quốc gia CPTPP.....	42
9 - Một số khuyến nghị chính sách và định hướng hỗ trợ doanh nghiệp từ góc nhìn hiệp hội và cơ quan nhà nước.....	48

Cơ sở pháp lý về điều tra chống lẩn tránh biện pháp CBPG/ CTC của một số nước thành viên CPTPP

I. Mở đầu

Trong thương mại quốc tế, lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp (anti-circumvention of anti-dumping/countervailing duties) là hành vi nhằm né tránh hiệu lực của các biện pháp phòng vệ thương mại đang có hiệu lực bằng cách thay đổi chuỗi sản xuất, tái xuất qua nước thứ ba hoặc thực hiện các thao tác tái chế nhằm làm giảm hiệu quả của biện pháp đó.

Mặc dù Hiệp định chống bán phá giá (AD Agreement) và Hiệp định chống trợ cấp (SCM Agreement) của WTO không có điều khoản riêng về chống lẩn tránh, các thành viên WTO, trong đó phần lớn là thành viên CPTPP, đã xây dựng các khung pháp lý nội địa nhằm xác định và điều tra các hành vi lẩn tránh này để bảo đảm tính hiệu quả của biện pháp phòng vệ thương mại đã áp đặt.

Khung pháp lý chống lẩn tránh của các nước thành viên CPTPP vừa phản ánh cam kết tuân thủ các chuẩn mực WTO vừa có những đặc thù và cách tiếp cận riêng mang sắc thái pháp luật quốc gia. Phần sau trình bày chi tiết cơ sở pháp lý và quy định chính trong một số hệ thống pháp luật tiêu biểu.

II. Cơ sở pháp lý quốc tế

Cơ sở pháp lý căn bản nhất cho các biện pháp phòng vệ thương mại là Hiệp định về Giao nhận của Điều VI của GATT 1994, Hiệp định chống bán phá giá (AD Agreement) và Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (SCM Agreement).

WTO thiết lập các điều kiện và thủ tục để áp dụng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp một khi có bằng chứng về “dumping”/“subsidy” gây thiệt hại đáng kể, cũng như các nguyên tắc minh bạch và không phân biệt đối xử. Tuy nhiên, WTO không có điều khoản quốc tế cụ thể và thống nhất điều chỉnh hành vi lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, mà để các thành viên tự thiết kế biện pháp này trong khuôn khổ luật quốc gia, miễn là không vi phạm nghĩa vụ WTO cơ bản.

Việc thiếu các quy định cụ thể về chống lẩn tránh ở cấp đa phương làm cho các quốc gia CPTPP phải phát triển khung pháp lý nội địa riêng, dựa trên nguyên tắc căn bản của Hiệp định WTO, quy định mở rộng phạm vi thuế để bao gồm các hành vi lẩn tránh làm suy yếu hiệu lực biện pháp ban đầu.

III. Canada

1. Cơ sở pháp luật nội địa

Canada là một trong những quốc gia có hệ thống chống lẩn tránh phát triển nhất trong nhóm CPTPP, được quy định chặt chẽ trong Đạo luật Các biện pháp Nhập khẩu Đặc biệt (Special Import Measures Act – SIMA) và các Quy định thi hành (Special Import Measures Regulations). Các điều khoản chống lẩn tránh thường được trích dẫn tại các điều 71–75.1 của SIMA, trong đó định nghĩa rõ “hành vi lẩn tránh” và các yếu tố cần thiết để xác định một vụ việc lẩn tránh có hiệu lực.

Cụ thể, SIMA quy định rằng lẩn tránh xảy ra khi:

- Có một sự thay đổi trong mô hình thương mại (change in the pattern of trade) sau khi thuế chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp được áp dụng.
- Có hoạt động theo quy định (prescribed activity) như lắp ráp ở nước thứ ba, hoàn thiện nhẹ hoặc chuyển đổi tối thiểu.
- Có mối quan hệ nhân quả giữa sự thay đổi này và các biện pháp phòng vệ thương mại trước đó.
- CBSA (Canada Border Services Agency) tiến hành điều tra chống lẩn tránh theo các điều kiện trên. Nếu xác định có lẩn tránh, CBSA có thể mở rộng

phạm vi áp dụng biện pháp phòng vệ ban đầu sang các sản phẩm hoặc nguồn xuất khẩu mới.

Canada còn có **Hướng dẫn chống lẩn tránh của Canadian International Trade Tribunal (CITT)**, trong đó phác thảo rõ vai trò của Tribunal trong các vụ việc lẩn tránh, cách đánh giá bằng chứng và trao đổi phúc đáp giữa các bên.

IV. Australia

1. Cơ sở pháp lý nội địa

Australia không trực tiếp quy định khái niệm “anti-circumvention” trong Trade Remedies Act hay SIMA tương tự Canada, nhưng cơ quan Anti-Dumping Commission cung cấp hướng dẫn và quy trình cho phép điều tra các trường hợp mà hàng hóa hoặc hoạt động nhập khẩu nhằm tránh thuế chống bán phá giá/ chống trợ cấp đang có hiệu lực. Doanh nghiệp, nhà sản xuất nội địa có thể nộp đơn yêu cầu mở cuộc điều tra chống lẩn tránh khi họ cho rằng hành vi tránh thuế đã làm suy yếu hiệu lực biện pháp ban đầu.

Australia định nghĩa các hoạt động có thể xem xét trong điều tra chống lẩn tránh bao gồm: lắp ráp tại nước sở tại, lắp ráp tại nước thứ ba, tái xuất hàng hóa qua nước khác, hoặc sửa đổi nhỏ nhằm né nghĩa vụ thuế. Quy trình buộc phải tuân theo thủ tục thông thường của Anti-

Dumping Commission, bao gồm thu thập chứng cứ, gửi bảng câu hỏi và kiểm tra tại chỗ.

V. New Zealand

New Zealand điều chỉnh các biện pháp phòng vệ thương mại, bao gồm chống bán phá giá và chống trợ cấp, trong Trade (Anti-dumping and Countervailing Duties) Act 1988, phù hợp với nghĩa vụ WTO. Tuy luật không có quy định chuyên biệt về “anti-circumvention”, nhưng New Zealand có thể áp dụng các công cụ khác như quy tắc xuất xứ và hải quan để ngăn chặn hành vi lẩn tránh, hoặc tiến hành điều tra dumping/trợ cấp mới đối với hành vi tương tự nếu phát hiện mô hình thương mại bị chuyển hướng đáng kể.

Trên thực tế, một số thành viên WTO, trong đó có New Zealand, đã đề nghị sử dụng các công cụ như quy tắc xuất xứ và pháp luật hải quan để xử lý hoạt động lẩn tránh thay vì luật phòng vệ thương mại riêng biệt, vì hành vi này có thể được xác định thông qua nguồn gốc hàng hóa và kiểm soát nhập khẩu, phù hợp với luật WTO và nội luật quốc gia.

VI. Mexico

Mexico cũng quy định nội luật về chống lẩn tránh trong khuôn khổ pháp luật về phòng vệ thương mại, cụ thể là trong Luật Ngoại thương (Ley de

Comercio Exterior) và các quy định thi hành liên quan tới chống bán phá giá/chống trợ cấp. Mexico cho phép điều tra các hành vi có dấu hiệu lẩn tránh biện pháp đang có hiệu lực khi có kiện cáo từ ngành sản xuất trong nước hoặc đại diện hợp pháp, và thủ tục đó bao gồm các bước tương tự như điều tra sơ bộ, thu thập chứng cứ và kết luận. Tuy nhiên, Mexico chưa xây dựng một hệ thống chống lẩn tránh phức tạp như Canada, mà do đó thường viện dẫn các nguyên tắc WTO về tính hiệu quả của biện pháp và việc duy trì lợi ích của ngành sản xuất nội địa để xử lý hành vi lẩn tránh.

VII. Nhật Bản và các nước khác (Singapore, Malaysia)

Một số thành viên CPTPP khác như Nhật Bản, Singapore hoặc Malaysia cũng cho phép mở rộng biện pháp áp dụng để bao gồm hành vi lẩn tránh một cách gián tiếp bằng cách sử dụng quy định về phạm vi sản phẩm (scope) và rules of origin trong điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp, nhằm xử lý các trường hợp đổi mẫu mã, thay đổi nguồn gốc hoặc lắp ráp tối thiểu để né thuế. Các quy định này thường gắn liền với quy tắc xuất xứ trong hiệp định thương mại và luật hải quan quốc gia, và được liên hệ với mục tiêu bảo vệ tính hiệu quả của biện pháp chống bán phá giá/trợ cấp.



VIII. Kết luận

Tóm lại, cơ sở pháp lý về điều tra chống lẫn tránh biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp của các nước thành viên CPTPP thể hiện sự kết hợp giữa cam kết tuân thủ các chuẩn mực WTO quốc tế và quy định nội luật đặc thù của từng quốc gia. Canada có hệ thống chống lẫn tránh khá hoàn chỉnh và chi tiết trong SIMA; Australia có cơ chế tiếp nhận và xử lý các yêu cầu điều tra; New Zealand sử dụng luật phòng vệ thương mại kết hợp cùng công cụ hải quan/quy tắc xuất xứ; Mexico và các nước khác xử lý trên cơ sở luật ngoại thương và tiêu chuẩn WTO. Dù theo cách tiếp cận nào, mục tiêu chung là bảo đảm rằng các biện pháp phòng vệ thương mại không bị vô hiệu hóa bởi các hoạt động lẫn tránh và ngành sản xuất trong nước được bảo vệ một cách hiệu quả và công bằng.

Các hình thức lẩn tránh biện pháp CBPG/CTC phổ biến mà doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý



Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, đặc biệt thông qua việc tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đã và đang thâm nhập ngày càng mạnh vào các thị trường lớn.

Song song với cơ hội mở rộng thị trường là nguy cơ gia tăng các biện pháp phòng vệ thương mại do nước nhập khẩu áp dụng, trong đó phổ biến nhất là biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp. Khi các biện pháp này được áp đặt, chi phí xuất khẩu tăng cao, khả năng cạnh tranh của hàng hóa bị suy giảm đáng kể.

Trong thực tiễn, để duy trì thị phần và né tránh tác động của thuế phòng vệ thương mại, một số doanh nghiệp đã tìm cách điều chỉnh hoạt động sản xuất, xuất khẩu hoặc chuỗi cung ứng theo những

cách thức có thể bị coi là lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp.

Chính điều này khiến các cơ quan điều tra nước nhập khẩu ngày càng chú trọng xây dựng và áp dụng các cơ chế điều tra chống lẩn tránh, làm gia tăng rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp xuất khẩu, trong đó có doanh nghiệp Việt Nam.

Về mặt pháp lý, mặc dù các Hiệp định của WTO như Hiệp định chống bán phá giá và Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng không quy định trực tiếp và cụ thể về hành vi lẩn tránh, nhưng trên thực tế, nhiều quốc gia đã nội luật hóa các quy định nhằm ngăn chặn việc vô hiệu hóa hiệu lực của các biện pháp phòng vệ thương mại đã được áp dụng hợp pháp.

Lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp thường được hiểu là các hành vi thay đổi có chủ đích về mô hình thương mại, cấu trúc sản xuất, xuất xứ hoặc đặc tính sản phẩm nhằm né tránh việc bị áp dụng hoặc giảm mức thuế phòng vệ thương mại đang có hiệu lực, trong khi bản chất cạnh tranh và tác động gây thiệt hại đối với ngành sản xuất nội địa nước nhập khẩu không thay đổi. Trên cơ sở đó, các nước nhập khẩu, đặc

biệt là các thành viên CPTPP như Canada, Australia, Hoa Kỳ, Mexico hay Nhật Bản, đã phát triển những tiêu chí và phương thức điều tra nhằm phát hiện và xử lý các hành vi lẩn tránh này.

Trong thực tiễn thương mại quốc tế, một trong những hình thức lẩn tránh phổ biến nhất là chuyển tải hàng hóa qua nước thứ ba. Theo hình thức này, hàng hóa được sản xuất tại một quốc gia đang chịu thuế chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp sẽ được xuất khẩu sang một nước trung gian, sau đó tái xuất sang thị trường áp thuế với danh nghĩa hàng hóa có xuất xứ từ nước trung gian.

Đối với doanh nghiệp Việt Nam, rủi ro phát sinh khi tham gia hoặc bị cuốn vào các chuỗi cung ứng có yếu tố chuyển tải là rất lớn, đặc biệt trong các ngành như thép, gỗ, dệt may, pin năng lượng mặt trời hoặc sản phẩm kim loại.

Nếu cơ quan điều tra chứng minh rằng hoạt động tại nước trung gian chỉ mang tính hình thức, không tạo ra sự chuyển đổi đáng kể về bản chất sản phẩm, hàng hóa vẫn có thể bị coi là có xuất xứ từ nước bị áp thuế ban đầu và chịu toàn bộ biện pháp chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp tương ứng.

Một hình thức lẩn tránh khác thường gặp là việc thay đổi hoặc chia tách sản phẩm nhằm né phạm vi áp dụng của biện



pháp phòng vệ thương mại. Doanh nghiệp có thể điều chỉnh kích thước, quy cách kỹ thuật, mức độ hoàn thiện hoặc cách đóng gói của sản phẩm để lập luận rằng hàng hóa mới không còn thuộc phạm vi mô tả của biện pháp chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp đã áp dụng trước đó.

Tuy nhiên, các cơ quan điều tra ngày càng có xu hướng đánh giá dựa trên bản chất kinh tế và công dụng thực tế của sản phẩm, thay vì chỉ căn cứ vào mô tả hình thức hoặc mã HS. Do đó, nếu những thay đổi này không làm thay đổi đáng kể đặc tính cơ bản và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hành vi đó vẫn có thể bị kết luận là lẩn tránh.

Bên cạnh đó, việc thực hiện các công đoạn gia công hoặc chế biến tối thiểu tại nước thứ ba cũng là một hình thức lẩn tránh thường được các cơ quan điều tra chú ý. Các công đoạn như đóng gói lại, cắt xén, lắp ráp đơn giản, dán nhãn hoặc hoàn thiện bề mặt thường không được coi là đủ để tạo ra xuất xứ mới theo các

tiêu chuẩn của luật phòng vệ thương mại và quy tắc xuất xứ.

Nếu doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào các mô hình sản xuất hoặc gia công như vậy với mục đích chính là né thuế chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp, rủi ro bị điều tra và mở rộng phạm vi áp dụng biện pháp là rất cao.

Ngoài ra, một số doanh nghiệp còn tìm cách lẩn tránh thông qua việc tái cấu trúc chuỗi cung ứng và pháp nhân kinh doanh, chẳng hạn như thành lập các công ty con, công ty liên kết hoặc sử dụng bên thứ ba để thực hiện hoạt động xuất khẩu, trong khi quyền kiểm soát thực tế và lợi ích kinh tế vẫn thuộc về chủ thể ban đầu.

Trong các trường hợp này, cơ quan điều tra có thể áp dụng học thuyết “xuyên thấu hình thức” để xác định mối quan hệ kiểm soát và lợi ích thực sự, từ đó phủ nhận tính độc lập của pháp nhân trung gian và coi đây là hành vi lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại.

Một hình thức khác cũng cần được doanh nghiệp Việt Nam đặc biệt lưu ý là việc khai báo mã HS hoặc mô tả hàng hóa không phù hợp nhằm đưa sản phẩm ra ngoài phạm vi áp dụng của biện pháp chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp.

Mặc dù mã HS là căn cứ quan trọng trong quản lý hải quan, song trong điều

tra phòng vệ thương mại, các cơ quan chức năng thường xem xét toàn diện các yếu tố như đặc tính vật lý, công dụng, quy trình sản xuất và thị trường tiêu thụ. Việc cố tình khai báo sai hoặc không nhất quán không chỉ không giúp né tránh thuế mà còn làm gia tăng nguy cơ bị áp dụng các biện pháp trừng phạt nghiêm khắc hơn.

Khi một hành vi bị kết luận là lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp, hệ quả pháp lý đối với doanh nghiệp là rất nghiêm trọng. Cơ quan điều tra có thể mở rộng phạm vi áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với sản phẩm hoặc mô hình thương mại mới, áp dụng mức thuế tương đương với hàng hóa gốc, thậm chí có thể truy thu thuế đối với các lô hàng đã nhập khẩu trước đó. Ngoài ra, uy tín của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế cũng bị ảnh hưởng tiêu cực, gây khó khăn cho hoạt động xuất khẩu lâu dài.

Từ góc độ doanh nghiệp Việt Nam, việc nhận diện và tránh các hình thức lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp là yêu cầu mang tính chiến lược. Doanh nghiệp cần chủ động tìm hiểu pháp luật phòng vệ thương mại của các thị trường xuất khẩu trọng điểm, đặc biệt là các quy định liên quan đến chống lẩn tránh.



Việc xây dựng chuỗi cung ứng minh bạch, có cơ sở kinh tế hợp lý, tuân thủ quy tắc xuất xứ và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ chứng minh giá trị gia tăng thực chất là yếu tố then chốt để giảm thiểu rủi ro. Đồng thời, doanh nghiệp cần tăng cường phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội ngành hàng và các đơn vị tư vấn pháp lý để được hỗ trợ kịp thời khi đối mặt với nguy cơ điều tra chống lẩn tránh.

Tóm lại, trong môi trường thương mại quốc tế ngày càng có kỷ luật cao, lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp không còn là “khoảng trống pháp lý” như trước đây, mà đã trở thành đối tượng điều chỉnh chặt chẽ của pháp luật nhiều quốc gia. Doanh nghiệp Việt Nam chỉ có thể phát triển bền vững nếu lựa chọn con đường tuân thủ, minh bạch và nâng cao năng lực cạnh tranh thực chất, thay vì tìm cách né tránh ngắn hạn nhưng tiềm ẩn rủi ro pháp lý dài hạn.

Quy trình điều tra chống lẫn tránh biện pháp CBPG/CTC của một số nước thành viên CPTPP

1. Khái quát chung về điều tra chống lẫn tránh biện pháp CBPG/CTC

Trong bối cảnh các biện pháp phòng vệ thương mại, đặc biệt là chống bán phá giá và chống trợ cấp, được các quốc gia áp dụng ngày càng phổ biến, hiện tượng lẫn tránh biện pháp CBPG/CTC cũng gia tăng cả về quy mô lẫn mức độ tinh vi. Lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại được hiểu là các hành vi của doanh nghiệp hoặc chuỗi doanh nghiệp nhằm né tránh nghĩa vụ thuế CBPG/CTC đã được áp dụng thông qua việc thay đổi hình thức thương mại, tổ chức sản xuất hoặc tuyến xuất khẩu, trong khi bản chất kinh tế của hoạt động vẫn không thay đổi đáng kể.

Mặc dù WTO chưa có một hiệp định riêng điều chỉnh vấn đề chống lẫn tránh, nhưng nhiều quốc gia, trong đó có các nước thành viên CPTPP, đã xây dựng quy định nội luật và thực tiễn điều tra riêng nhằm bảo đảm hiệu lực và hiệu quả của các biện pháp CBPG/CTC. CPTPP, với mức độ cam kết sâu hơn WTO, tạo không gian pháp lý để các thành viên củng cố cơ chế điều tra chống lẫn tránh, đồng thời đặt ra các yêu cầu

cao hơn về minh bạch, công bằng thủ tục và bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan.

2. Cơ sở pháp lý của quy trình điều tra chống lẫn tránh trong các nước CPTPP

Về mặt pháp lý, quy trình điều tra chống lẫn tránh biện pháp CBPG/CTC của các nước CPTPP thường được xây dựng trên ba tầng nấc pháp lý chính.

Thứ nhất, cơ sở từ các Hiệp định WTO, bao gồm Hiệp định Chống bán phá giá (ADA) và Hiệp định Trợ cấp và Biện pháp đối kháng (SCM). Mặc dù không quy định trực tiếp về chống lẫn tránh, nhưng các hiệp định này cho phép thành viên áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo đảm hiệu quả của biện pháp phòng vệ, với điều kiện tuân thủ các nguyên tắc về minh bạch, không phân biệt đối xử và dựa trên bằng chứng thực chất.



Thứ hai, cam kết trong CPTPP, đặc biệt là các chương về phòng vệ thương mại, minh bạch và giải quyết tranh chấp. CPTPP không đưa ra một cơ chế điều tra chống lẩn tránh thống nhất, nhưng thừa nhận quyền của các nước thành viên trong việc áp dụng và duy trì các biện pháp phòng vệ phù hợp với WTO, đồng thời yêu cầu tăng cường công khai thông tin, tham vấn và bảo đảm thủ tục công bằng.

Thứ ba, pháp luật nội địa của từng quốc gia thành viên, là cơ sở trực tiếp điều chỉnh quy trình điều tra chống lẩn tránh. Các nước như Canada, Australia, New Zealand, Mexico, Malaysia hay Việt Nam đều đã ban hành quy định cho phép mở rộng hoặc áp dụng biện pháp CBPG/CTC đối với hành vi lẩn tránh, với quy trình tương đối chi tiết và độc lập so với điều tra ban đầu.

3. Các hình thức lẩn tránh làm cơ sở khởi xướng điều tra

Trước khi phân tích quy trình điều tra, cần lưu ý rằng các nước CPTPP thường chỉ khởi xướng điều tra chống lẩn tránh khi có dấu hiệu rõ ràng của một hoặc nhiều hình thức lẩn tránh phổ biến, bao gồm: (i) chuyển tải qua nước thứ ba; (ii) lắp ráp hoặc gia công đơn giản tại nước không bị áp thuế; (iii) thay đổi không đáng kể đặc tính sản phẩm; (iv) nhập

khẩu linh kiện để lắp ráp nội địa; và (v) tái cấu trúc doanh nghiệp hoặc chuỗi cung ứng nhằm né thuế. Các hình thức này là căn cứ thực tiễn để cơ quan điều tra xem xét việc khởi xướng và tiến hành điều tra.

4. Quy trình điều tra chống lẩn tránh biện pháp CBPG/CTC của một số nước CPTPP

4.1. Giai đoạn tiếp nhận hồ sơ và khởi xướng điều tra

Quy trình điều tra chống lẩn tránh tại các nước CPTPP thường bắt đầu bằng việc tiếp nhận đơn yêu cầu từ ngành sản xuất trong nước hoặc cơ quan có thẩm quyền chủ động khởi xướng trên cơ sở thông tin sẵn có. Đơn yêu cầu phải cung cấp các bằng chứng sơ bộ về sự tồn tại của biện pháp CBPG/CTC đang có hiệu lực, hành vi lẩn tránh bị nghi ngờ và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi lẩn tránh với việc làm suy giảm hiệu lực của biện pháp phòng vệ.

Sau khi thẩm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ, cơ quan điều tra sẽ ra quyết định khởi xướng điều tra chống lẩn tránh. Tại Canada và Australia, quyết định này thường được công bố công khai kèm theo phạm vi điều tra, thời kỳ điều tra và danh sách các bên liên quan. New Zealand và Mexico cũng áp dụng cách tiếp cận tương tự, nhưng cho phép linh

hoạt hơn trong việc mở rộng phạm vi điều tra nếu phát sinh tình tiết mới.

4.2. Nghĩa vụ thông báo và đăng ký bên liên quan

Ngay sau khi khởi xướng, cơ quan điều tra có nghĩa vụ thông báo cho các bên liên quan, bao gồm nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu, nhà sản xuất nước ngoài, chính phủ nước bị điều tra và các hiệp hội ngành hàng. Các bên có quyền đăng ký tham gia vụ việc để được cung cấp thông tin và bảo đảm quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình.

Minh bạch trong thông báo là một điểm nhấn trong quy trình điều tra của các nước CPTPP, phù hợp với các nghĩa vụ trong CPTPP về công khai thông tin và thủ tục hành chính công bằng.

4.3. Thu thập thông tin và điều tra thực chất

Giai đoạn điều tra thực chất tập trung vào việc xác định bản chất kinh tế của hành vi bị nghi ngờ lẫn tránh. Cơ quan điều tra thường gửi bảng câu hỏi chi tiết cho các doanh nghiệp liên quan, yêu cầu cung cấp thông tin về quy trình sản xuất, nguồn gốc nguyên liệu, chi phí, tỷ lệ giá trị gia tăng, mối quan hệ sở hữu và dòng thương mại.

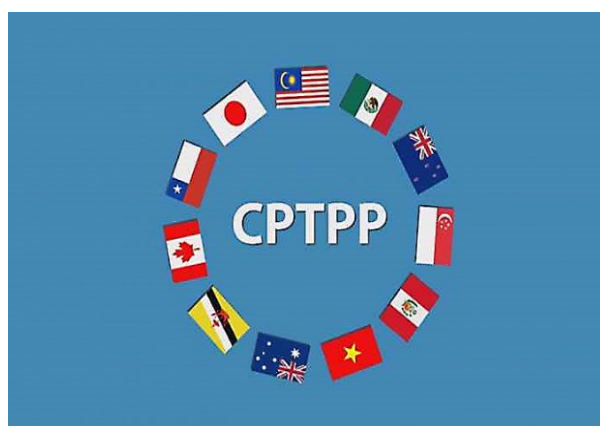
Tại Canada và Australia, cơ quan điều tra có thể tiến hành thẩm tra tại chỗ để xác minh tính chính xác của thông tin.

Mexico và Malaysia cũng áp dụng cơ chế tương tự, đặc biệt trong các vụ việc có yếu tố lắp ráp hoặc gia công đơn giản. New Zealand, với quy mô điều tra nhỏ hơn, thường dựa nhiều vào hồ sơ và dữ liệu hải quan, nhưng vẫn bảo đảm đánh giá toàn diện.

4.4. Phân tích và đánh giá hành vi lẫn tránh

Trên cơ sở thông tin thu thập được, cơ quan điều tra sẽ đánh giá liệu hành vi bị điều tra có dẫn đến việc né tránh hoặc làm suy giảm hiệu lực của biện pháp CBPG/CTC đang áp dụng hay không. Trọng tâm phân tích thường không nằm ở hình thức pháp lý của giao dịch, mà ở mức độ thay đổi thực chất trong sản xuất và thương mại.

Một điểm chung trong thực tiễn của các nước CPTPP là việc xem xét sự thay đổi mô hình thương mại sau khi biện pháp được áp dụng, bao gồm sự gia tăng đột biến của nhập khẩu từ nước thứ ba hoặc sản phẩm được lắp ráp trong nước nhập khẩu.



4.5. Kết luận sơ bộ và tham vấn

Nhiều nước CPTPP cho phép ban hành kết luận sơ bộ trong quá trình điều tra chống lẩn tránh, tạo cơ hội để các bên liên quan trình bày ý kiến, cung cấp thông tin bổ sung hoặc yêu cầu tham vấn. Giai đoạn này đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quyền được lắng nghe và tăng tính thuyết phục của kết luận cuối cùng.

4.6. Kết luận cuối cùng và áp dụng biện pháp

Kết thúc điều tra, cơ quan có thẩm quyền sẽ ban hành kết luận cuối cùng về việc có hay không tồn tại hành vi lẩn tránh. Nếu xác định có lẩn tránh, biện pháp CBPG/CTC hiện hành có thể được mở rộng áp dụng cho hàng hóa hoặc doanh nghiệp liên quan, bao gồm cả hàng hóa xuất xứ từ nước thứ ba hoặc sản phẩm lắp ráp nội địa.

5. Đánh giá chung về quy trình điều tra của các nước CPTPP

Nhìn chung, quy trình điều tra chống lẩn tránh biện pháp CBPG/CTC của các nước CPTPP có xu hướng ngày càng chặt chẽ, thực chất và tiệm cận với chuẩn mực cao về minh bạch và công bằng thủ tục. Tuy nhiên, quy trình này cũng đặt ra gánh nặng lớn về chứng minh đối với doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt là doanh nghiệp đến từ các nước đang phát triển như Việt Nam.

Việc hiểu rõ quy trình điều tra chống lẩn tránh của các nước CPTPP có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp doanh nghiệp Việt Nam chủ động phòng ngừa rủi ro pháp lý. Doanh nghiệp cần chú trọng xây dựng mô hình sản xuất thực chất, nâng cao tỷ lệ giá trị gia tăng nội địa, quản lý tốt chuỗi cung ứng và chuẩn bị sẵn sàng hồ sơ, dữ liệu để ứng phó hiệu quả khi bị điều tra.

Thực tiễn điều tra chống lẩn tránh biện pháp CBPG/CTC của một số nước thành viên CPTPP

I. Mở đầu

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế sâu rộng và sự phát triển của các hiệp định thương mại tự do như CPTPP (Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương), các biện pháp phòng vệ thương mại — đặc biệt là chống bán phá giá (CBPG) và chống trợ cấp (CTC) — tiếp tục được các quốc gia áp dụng nhằm bảo vệ ngành sản xuất nội địa trước cạnh tranh không công bằng từ hàng hóa nhập khẩu.

Song hành với việc áp dụng các biện pháp này, thực tiễn lẩn tránh biện pháp bằng những phương thức tinh vi đã nổi lên như một thách thức pháp lý và quản lý, buộc các nước thành viên CPTPP phải phát triển quy trình điều tra chống lẩn tránh tương thích với luật quốc tế và cam kết CPTPP.

Khác với CBPG/CTC thông thường, hành vi lẩn tránh không nhất thiết là hành vi phá giá hay nhận trợ cấp, mà thể hiện qua những điều chỉnh trong mô hình sản xuất, điểm xuất xứ, chuỗi cung ứng và thương mại nhằm né tránh hiệu lực thuế CBPG/CTC.

Việc phân biệt giữa hoạt động kinh doanh bình thường và hành vi lẩn tránh

đòi hỏi một quá trình điều tra chuyên sâu, bài bản và dựa vào chứng cứ.

Bài viết này phân tích thực tiễn điều tra chống lẩn tránh biện pháp CBPG/CTC của một số nước thành viên CPTPP tiêu biểu, bao gồm Canada, Australia, New Zealand và Mexico, làm cơ sở nhận diện các chiến lược phòng ngừa rủi ro cho doanh nghiệp Việt Nam.

II. Khung pháp lý chung và nguyên tắc điều tra

Trước khi đi vào thực tiễn của từng nước, cần khẳng định rằng WTO chưa có điều khoản quốc tế riêng dành cho điều tra chống lẩn tránh; tuy nhiên, các nước đều dựa trên cơ sở của Hiệp định chống bán phá giá (ADA) và Hiệp định Trợ cấp và Biện pháp đối kháng (SCM Agreement) để bảo đảm rằng biện pháp CBPG/CTC không bị vô hiệu hóa thông qua các hành động lẩn tránh.

CPTPP không tạo ra nghĩa vụ pháp lý mới vượt trên WTO, nhưng nhấn mạnh nguyên tắc minh bạch, công bằng thủ tục và trách nhiệm giải trình, vốn là nền tảng cho các quy trình điều tra lẩn tránh trong thực tiễn.

Trong thực tiễn, “lẩn tránh” thường được hiểu là hành vi thay đổi chuỗi sản

xuất hoặc thương mại nhằm né tránh phạm vi áp dụng hoặc giảm mức độ chịu thuế CBPG/CTC, mà không làm thay đổi bản chất kinh tế của hoạt động sản xuất — ví dụ: sử dụng nước thứ ba làm nơi trung chuyển, thực hiện gia công tối thiểu, thay đổi mã HS một cách bề ngoài, hoặc lập pháp nhân mới để thực hiện giao dịch.

III. Canada – Thực tiễn điều tra chống lẩn tránh

1. Cơ chế pháp lý tại Canada

Canada là một trong những quốc gia tiên phong xây dựng quy trình điều tra chống lẩn tránh rõ ràng và chi tiết nhất. Hoạt động này được thể hiện trong Special Import Measures Act (SIMA) và các quy định hướng dẫn thi hành, với các điều khoản riêng về mở rộng áp dụng biện pháp đối với trường hợp lẩn tránh. Cơ quan chịu trách nhiệm điều tra chống lẩn tránh là Canada Border Services Agency (CBSA).

2. Phương thức điều tra

Canada định nghĩa lẩn tránh là “sự thay đổi trong mô hình thương mại sau khi biện pháp CBPG/CTC được áp dụng, cho thấy sản phẩm có thể bị buộc chịu thuế nếu sự thay đổi này không tồn tại”. Quy trình thường bắt đầu từ đơn yêu cầu của ngành sản xuất trong nước, kèm bằng chứng sơ bộ về sự gia tăng

nhập khẩu từ nước thứ ba hoặc thay đổi đáng kể chuỗi cung ứng.

CBSA tiến hành thu thập thông tin, gửi bảng câu hỏi, điều tra tại chỗ và đối chiếu dữ liệu hải quan — tương tự quy trình điều tra chính — nhưng tập trung chủ yếu vào mối quan hệ giữa lẩn tránh và hiệu lực biện pháp.

3. Trường hợp điển hình

Một trong những vụ điển hình là điều tra lẩn tránh thuế chống bán phá giá đối với thép nhập khẩu qua nước thứ ba. CBSA phát hiện doanh nghiệp xuất khẩu đã chuyển điểm xuất xứ sang nước trung gian mà vẫn giữ chuỗi cung ứng Việt Nam làm nguồn nguyên liệu chính. Kết luận điều tra cho thấy đây là hành vi lẩn tránh, thuế CBPG được mở rộng áp dụng cho sản phẩm từ nước trung gian trên cơ sở “thay đổi mô hình thương mại”.

Canada thường áp dụng biện pháp lẩn tránh bằng cách mở rộng phạm vi áp thuế và truy thu thuế cho các lô hàng trước đó nếu hành vi lẩn tránh có bằng chứng rõ ràng.

IV. Australia – Cách tiếp cận linh hoạt

1. Cơ sở pháp lý

Australia không có đạo luật riêng rành mạch như SIMA của Canada, nhưng Anti-Dumping Commission và Australian

Border Force phối hợp điều tra các hành vi nghi ngờ lẩn tránh căn cứ vào luật phòng vệ thương mại của Úc và tiêu chí quốc tế.

2. Giai đoạn điều tra

Quy trình tương tự bao gồm khởi xướng điều tra, thu thập dữ liệu, bổ sung chứng cứ và xác minh thực tế. Australia tích hợp hệ thống phân tích dữ liệu hải quan điện tử và thông tin thị trường để phát hiện các bất thường trong dòng chảy thương mại - ví dụ: sự dịch chuyển nhập khẩu đột ngột từ nước chưa bị áp thuế sau khi biện pháp được áp dụng.

Australia cho phép mở rộng hoặc chuyển đổi vụ việc chính nếu kết quả điều tra sơ bộ cho thấy hành vi lẩn tránh rõ rệt, nhưng vẫn tuân thủ nguyên tắc công bằng thủ tục, bảo đảm quyền được tham gia của cả nhà xuất khẩu và nhập khẩu.

3. Ví dụ thực tiễn

Trong một số vụ liên quan đến sản phẩm thép và linh kiện công nghiệp, Australia đã ghi nhận các mô hình mà doanh nghiệp thay đổi tuyến xuất khẩu sang các quốc gia ASEAN khác để né thuế, trong khi chu trình sản xuất cơ bản không thay đổi. Khi bị điều tra, biện pháp CBPG/CTC đã được mở rộng áp dụng cho sản phẩm cuối cùng kể cả khi hàng hóa có xuất xứ trung gian.

V. New Zealand – Phòng vệ linh hoạt qua phân tích kinh tế

1. Khung pháp lý

New Zealand áp dụng Trade (Anti-dumping and Countervailing Duties) Act 1988, cho phép điều tra hành vi nghi ngờ lẩn tránh biện pháp phòng vệ trong khuôn khổ hiện hành. Mặc dù luật không có mục chuyên biệt “anti-circumvention”, nhưng cơ quan điều tra sử dụng các công cụ như quy tắc xuất xứ, kiểm soát hải quan và phân tích biến động thương mại để phát hiện các hành vi này.

2. Thực tiễn nhập khẩu và phân tích chuỗi cung ứng

Cách tiếp cận của New Zealand thiên về đánh giá tổng thể chuỗi cung ứng và dữ liệu thương mại, đặc biệt dựa vào phân tích kinh tế nhằm kiểm tra các thay đổi bất thường trong dòng nhập khẩu sau khi biện pháp CBPG/CTC được áp dụng.

Doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cần chú ý rằng nếu xuất hiện tăng đột biến dù qua “quy trình trung gian” mà không có lý do kinh tế rõ ràng (như thay đổi công nghệ, nhu cầu thị trường), cơ quan điều tra New Zealand có thể xem xét mở điều tra chống lẩn tránh.

VI. Mexico – Điều tra theo luật ngoại thương

1. Pháp luật và thẩm quyền

Mexico quy định phòng vệ thương mại trong Ley de Comercio Exterior (Luật Ngoại thương) và các nghị định hướng dẫn. Cá nhân chính sách chống lẩn tránh không tách biệt như ở Canada, nhưng luật cho phép cơ quan có thẩm quyền mở rộng phạm vi biện pháp nếu có hành vi né tránh rõ rệt.

2. Giai đoạn thực tiễn

Quy trình tại Mexico thường tuân thủ các bước: khởi xướng điều tra, thông báo, thu thập chứng cứ và phân tích tổng thể hồ sơ. Điều tra chống lẩn tránh có thể được thực hiện cùng lúc hoặc sau khi điều tra chính thức về CBPG/CTC. Mexico chú trọng đến mối quan hệ kinh tế – thương mại thực tế hơn là hình thức khai báo, nhất là trong các ngành như nông sản chế biến, thép và máy móc.

3. Ví dụ và diễn biến

Một số vụ về thép cho thấy Mexico đã xác định dòng thép được tái xuất sau gia công tại nước thứ ba nhằm né thuế và quyết định mở rộng phạm vi áp thuế bao gồm cả lô hàng tái xuất này, kèm phân tích mối liên hệ trực tiếp giữa lẩn tránh và thiệt hại ngành sản xuất nội địa.

VII. Đặc điểm chung và khác biệt trong thực tiễn điều tra

Qua so sánh thực tiễn, các nước CPTPP có những điểm chung sau:

Khởi xướng điều tra dựa trên yêu cầu

của ngành sản xuất nội địa hoặc cơ quan quản lý khi có dấu hiệu lẩn tránh;

Thu thập chứng cứ thông qua bảng câu hỏi, dữ liệu hải quan, xác minh tại chỗ;

Đánh giá dựa trên bản chất kinh tế và toàn bộ chuỗi cung ứng thay vì chỉ căn cứ vào hình thức hợp đồng hoặc mã HS;

Ảnh hưởng chính sách WTO và CPTPP, đặc biệt về tiêu chuẩn thủ tục và nghĩa vụ minh bạch.

Tuy nhiên, mỗi nước có khác biệt nhất định về việc thể chế hóa luật chống lẩn tránh, trình tự thủ tục và trọng tâm phân tích:

- **Canada** quy định chi tiết nhất và có hệ thống nguyên tắc phân tích rõ ràng trong SIMA;

- **Australia** sử dụng nền tảng dữ liệu thương mại mạnh mẽ và phân tích thống kê để phát hiện lẩn tránh;

- **New Zealand** ưu tiên đánh giá kinh tế và quy tắc xuất xứ;

- **Mexico** điều tra lẩn tránh trong khung pháp luật ngoại thương rộng hơn và gắn với bối cảnh ngành.

VIII. Khuyến nghị đối với doanh nghiệp Việt Nam

Thực tiễn điều tra chống lẩn tránh của các nước CPTPP đặt ra nhiều thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam, bởi các hành vi lẩn tránh thường không mâu



thuần với pháp luật quốc tế nhưng lại vi phạm luật nội địa của nước nhập khẩu. Để phòng ngừa rủi ro:

- Doanh nghiệp cần thiết lập hệ thống quản trị chuỗi cung ứng minh bạch, ghi nhận rõ ràng nguồn gốc nguyên liệu, quá trình sản xuất và thay đổi quy trình;
- Cần nắm vững các quy tắc xuất xứ và phương pháp phân loại hàng hóa để tránh vô tình rơi vào diện lẫn tránh;
- Phối hợp chặt với cơ quan đại diện thương mại và hiệp hội ngành hàng để được thông tin sớm và thiết lập chiến lược phòng ngừa;
- Chuẩn bị sẵn tài liệu phân tích thị trường, tài chính và logistics để bảo vệ quan điểm kinh tế trong điều tra.

IX. Kết luận

Thực tiễn điều tra chống lẫn tránh biện pháp CBPG/CTC của các nước thành viên CPTPP cho thấy một xu hướng ngày càng rõ rệt: các quốc gia không chỉ bảo vệ quyền áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại, mà còn mở rộng mục tiêu sang việc đảm bảo rằng những biện pháp đó không bị vô hiệu hóa bởi các hành vi lẫn tránh. Dù cách thể chế hóa pháp luật và quy trình điều tra có khác nhau, các nước đều hướng tới việc đánh giá bản chất kinh tế và tính liên tục của các dòng thương mại bất thường để xác định lẫn tránh. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp xuất khẩu, trong đó có doanh nghiệp Việt Nam, phải tăng cường năng lực tuân thủ, minh bạch thông tin và chủ động ứng phó khi tham gia chuỗi cung ứng quốc tế.

Phân tích một số sản phẩm có nguy cơ bị điều tra chống lẩn tránh biện pháp CBPG/CTC tại thị trường các nước thành viên CPTPP

I. TIÊU CHÍ NHẬN DIỆN SẢN PHẨM CÓ RỦI RO CAO

Trong bối cảnh thực thi Hiệp định CPTPP, các biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM) không còn chỉ dừng lại ở các vụ kiện truyền thống. Điều tra chống lẩn tránh (Anti-circumvention) đang trở thành một "vũ khí" mới mà các quốc gia như Canada, Úc và Mexico sử dụng để bảo vệ chuỗi sản xuất nội địa trước sự dịch chuyển của các dòng hàng từ những quốc gia đang bị áp thuế gốc. Để không rơi vào thế bị động, việc nhận diện sớm các tiêu chí rủi ro là yêu cầu cấp bách hàng đầu.

1. Sản phẩm hạ nguồn của các mặt hàng đang bị áp thuế gốc

Tiêu chí đầu tiên và quan trọng nhất liên quan đến **nguồn gốc nguyên liệu đầu vào**. Cơ quan điều tra thường tập trung vào những sản phẩm Việt Nam có sử dụng nguyên liệu từ các quốc gia đang bị thị trường mục tiêu áp thuế chống bán phá giá (CBPG) hoặc chống trợ cấp (CTC).

- **Sự liên đới mã HS:** Nếu Việt Nam xuất khẩu một sản phẩm có mã HS tương đồng hoặc là sản phẩm phái sinh

từ mặt hàng đang bị áp thuế gốc tại nước nhập khẩu, sản phẩm đó lập tức rơi vào tầm ngắm.

- **Phụ thuộc vào nguồn cung bị áp thuế:** Ví dụ, nếu Canada đang áp thuế CBPG lên thép cán nóng của Trung Quốc, thì các sản phẩm ống thép hoặc thép mạ của Việt Nam sử dụng nguyên liệu là thép cán nóng Trung Quốc sẽ bị nghi ngờ lẩn tránh.

- **Quy tắc “Giá trị gia tăng không đáng kể”:** Đây là lập luận phổ biến nhất. Cơ quan điều tra sẽ đánh giá xem liệu quá trình sản xuất tại Việt Nam có thực sự làm thay đổi bản chất hàng hóa hay chỉ là các công đoạn lắp ráp, hoàn thiện đơn giản từ nguyên liệu của nước bị áp thuế gốc.

2. Sự gia tăng đột biến về kim ngạch và biến động thương mại bất thường

Số liệu thương mại là bằng chứng định lượng quan trọng nhất để các hiệp hội sản xuất tại nước nhập khẩu nộp đơn kiện.

- **Tăng trưởng “nóng” trong thời gian ngắn:** Một sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu sang một nước CPTPP tăng vọt (ví dụ trên 20% mỗi quý) mà

không đi kèm với sự gia tăng tương ứng của nhu cầu tiêu dùng nội địa tại nước đó sẽ bị coi là dấu hiệu của việc đổ bộ hàng lẫn tránh.

- **Sự bất cân xứng giữa Nhập khẩu và Xuất khẩu:** Cơ quan điều tra sẽ so sánh: nếu lượng nhập khẩu nguyên liệu từ nước bị áp thuế vào Việt Nam tăng mạnh, đồng thời lượng xuất khẩu thành phẩm từ Việt Nam sang thị trường CPTPP cũng tăng tương ứng, đây là bằng chứng điển hình của hành vi chuyển hướng thương mại.

- **Giá xuất khẩu thấp bất thường:** Nếu mức giá từ Việt Nam thấp hơn đáng kể so với các đối thủ cạnh tranh khác hoặc thấp hơn giá thành sản xuất thông thường, nước nhập khẩu sẽ nghi ngờ doanh nghiệp đang tận dụng nguồn nguyên liệu giá rẻ đang bị áp thuế lẫn tránh để cạnh tranh không công bằng.

3. Sự dịch chuyển dòng vốn FDI và năng lực sản xuất nội địa



Cấu trúc nội tại của ngành sản xuất tại Việt Nam cũng là một tiêu chí để nhận diện rủi ro lẫn tránh.

- **Sự xuất hiện của các “doanh nghiệp ma” hoặc doanh nghiệp quy mô nhỏ:** Các doanh nghiệp FDI mới thành lập từ nước bị áp thuế gốc nhưng có năng lực máy móc hạn chế, công nghệ lạc hậu mà sản lượng xuất khẩu lại rất lớn thường bị nghi ngờ là trạm trung chuyển.

- **Năng lực sản xuất thực tế chưa đáp ứng sản lượng:** Nếu tổng công suất của toàn ngành tại Việt Nam thấp hơn nhiều so với tổng kim ngạch xuất khẩu công bố, cơ quan điều tra sẽ kết luận một phần hàng hóa không phải do Việt Nam sản xuất thực chất.

- **Hành vi kế thừa hoạt động kinh doanh:** Các trường hợp doanh nghiệp Việt Nam mua lại hoặc kế thừa dây chuyền sản xuất từ một công ty đang bị áp thuế ở nước ngoài cũng sẽ bị giám sát rất kỹ để đảm bảo không có sự chuyển dịch tài sản nhằm né thuế.

4. Đặc thù chính sách của từng thị trường thành viên CPTPP

Mỗi quốc gia thành viên CPTPP có cơ chế xác định “lẩn tránh” khác nhau, tạo ra các ngưỡng rủi ro riêng biệt:

- **Canada:** Tập trung khắt khe vào ngành thép và các sản phẩm tiêu dùng

bền vững. Họ thường sử dụng cơ chế hạn ngạch thuế quan (TRQ) để kiểm soát dòng hàng nhập khẩu tăng đột biến.

- **Úc:** Có xu hướng rà soát rất kỹ về "trợ cấp gián tiếp" thông qua nguyên liệu đầu vào giá rẻ từ các nước kinh tế phi thị trường.

- **Mexico:** Đặc biệt nhạy cảm với các mặt hàng dệt may và giày dép. Do có cơ cấu sản xuất tương đồng, Mexico sẵn sàng khởi xướng điều tra ngay khi thấy hàng Việt Nam sử dụng quá nhiều vải hoặc da từ các nước ngoài khối đang bị áp thuế.

5. Môi trường quan giữa xuất xứ (C/O) và miễn thuế

Một sai lầm phổ biến của doanh nghiệp là cho rằng có C/O mẫu CPTPP là an toàn tuyệt đối. Thực tế, điều tra chống miễn thuế có tiêu chuẩn cao hơn cả quy tắc xuất xứ thông thường.

- **C/O chỉ là điều kiện cần:** Dù đáp ứng quy tắc chuyển đổi mã số thuế (CTC) nhưng nếu giá trị gia tăng tạo ra tại Việt Nam quá thấp (thường dưới mức 25%), cơ quan điều tra vẫn có thể kết luận là miễn thuế.

- **Tiêu chí “Gia công đơn giản”:** Các công đoạn như chia cắt, đóng gói, lắp ráp linh kiện rời rạc thường không được chấp nhận là sản xuất thực chất trong các vụ kiện chống miễn thuế, dù có thể vẫn

được cấp C/O ở một số thị trường.

II. PHÂN TÍCH CHI TIẾT CÁC NHÓM SẢN PHẨM CỐT LÕI CÓ NGUY CƠ BỊ ĐIỀU TRA

Dựa trên các dữ liệu về phòng vệ thương mại toàn cầu và cấu trúc sản xuất nội địa, ba nhóm ngành hàng sau đây được xác định là “điểm nóng” tiềm ẩn rủi ro bị điều tra chống miễn thuế chống bán phá giá (CBPG) và chống trợ cấp (CTC) tại các thị trường CPTPP như Canada, Úc và Mexico.

1. Nhóm sản phẩm Thép và các loại Ống thép

Thép là mặt hàng đứng đầu danh sách rủi ro do đây là ngành công nghiệp nền tảng thường xuyên được các quốc gia CPTPP bảo hộ nghiêm ngặt.



1.1. Các mặt hàng mục tiêu

- **Thép cán nóng và cán nguội:** Đây là nguyên liệu thượng nguồn thường xuyên bị áp thuế gốc từ các nước ngoài khối.

- **Thép mạ tấm và thép dây:** Nhóm sản phẩm hạ nguồn dễ bị nghi ngờ lẫn tránh nếu quy trình mạ hoặc cán không tạo ra giá trị gia tăng đủ lớn.

- **Ống thép đúc và ống thép dẫn dầu (OCTG):** Sản phẩm có tính chuyên dụng cao, thường xuyên bị Canada và Úc giám sát chặt chẽ về nguồn gốc phôi thép.

1.2. Phân tích rủi ro chuỗi cung ứng

- **Sự phụ thuộc nguyên liệu:** Nhiều doanh nghiệp Việt Nam vẫn nhập khẩu phôi thép hoặc thép cuộn cán nóng từ các quốc gia đang bị Canada hay Úc áp thuế CBPG.

Quy trình “Gia công đơn giản”: Các công đoạn như cán kéo, xẻ khổ, mạ kẽm hoặc sơn phủ màu thường bị cơ quan điều tra xem là các bước hoàn thiện đơn giản. Nếu doanh nghiệp không chứng minh được sự thay đổi cơ bản về đặc tính vật lý và hóa học của thép, sản phẩm sẽ bị kết luận là lẫn tránh.



2. Nhóm sản phẩm Xe đạp và Xe đạp điện

Đây là ngành hàng ghi nhận sự dịch chuyển dây chuyền sản xuất mạnh mẽ từ Trung Quốc sang Việt Nam để tận dụng ưu đãi thuế quan từ các hiệp định thương mại.

2.1. Nguy cơ từ mô hình lắp ráp

- **Tỷ lệ linh kiện nhập khẩu:** Rủi ro phát sinh khi doanh nghiệp nhập khẩu hầu hết các linh kiện quan trọng (khung, động cơ, pin, bộ truyền động) từ nước bị áp thuế gốc và chỉ thực hiện lắp ráp tại Việt Nam.

- **Ngưỡng giá trị gia tăng (VAC):** Theo tiền lệ từ các thị trường có tiêu chuẩn cao, nếu giá trị linh kiện từ nước bị áp thuế chiếm trên **60%** tổng giá trị và phần gia tăng tại Việt Nam dưới **25%**, nguy cơ bị kết tội lẫn tránh là rất lớn.

2.2. Bài học thực tiễn

- **Vụ việc Martlet (Anh):** Đây là minh chứng cho thấy chỉ những doanh nghiệp có quy trình sản xuất thực chất (như tự hàn khung, sơn tĩnh điện) và hệ thống dữ liệu minh bạch mới có thể được loại trừ khỏi biện pháp áp thuế.

- **Yêu cầu về dữ liệu:** Cơ quan điều tra sẽ yêu cầu bóc tách chi phí nhân công, điện năng và khấu hao máy móc lắp ráp để so sánh với giá trị linh kiện

nhập khẩu.

3. Nhóm sản phẩm Dệt may và Giày dép



Mặc dù là ngành xuất khẩu chủ lực, nhưng dệt may Việt Nam lại đối mặt với rào cản quy tắc xuất xứ chặt nhất trong CPTPP.

3.1. Rào cản từ quy tắc “Yarn Forward” (Từ sợi trở đi)

- **Nguồn cung vải:** Việt Nam vẫn phụ thuộc lớn vào vải nhập khẩu từ các nước ngoài khối CPTPP. Nếu sản phẩm may mặc sử dụng vải từ nước đang bị Mexico hay Canada áp thuế phòng vệ, rủi ro điều tra chống lẩn tránh sẽ tăng cao.

- **Tính nhạy cảm của thị trường Mexico:** Mexico có ngành dệt may nội địa tương đồng và luôn sẵn sàng khởi xướng điều tra nếu thấy hàng Việt Nam có dấu hiệu chuyển hướng thương mại từ nguyên liệu ngoài khối.

3.2. Nguy cơ từ các công đoạn gia

công

- **Gia công đơn giản:** Các công đoạn như cắt, may đơn thuần mà không có sự kết nối với khâu dệt, nhuộm trong nước thường bị xem là không tạo ra sự chuyển đổi đáng kể.

- **Hồ sơ minh chứng:** Doanh nghiệp cần lưu trữ hóa đơn từ các nhà máy sợi/ dệt nội địa hoặc nội khối để chứng minh tính thực chất của xuất xứ hàng hóa.

4. Nhóm sản phẩm Gỗ và Nội thất

Nhóm này bao gồm gỗ dán, tủ bếp và tủ nhà tắm – những mặt hàng từng bị Mỹ áp thuế và có nguy cơ lan sang các nước CPTPP khác.

- **Sử dụng nguyên liệu “điểm nóng”:** Việc sử dụng tấm mặt (vener) hoặc lõi gỗ nhập khẩu từ các nguồn bị áp thuế gốc để ép thành phẩm tại Việt Nam là hành vi bị giám sát hàng đầu.

- **Năng lực sản xuất thực tế:** Điều tra viên sẽ kiểm tra xem doanh nghiệp có thực sự sở hữu các máy bóc gỗ, máy ép hay chỉ là các xưởng hoàn thiện bề mặt đơn giản.

III. DỰ BÁO CÁC “ĐIỂM NÓNG” VÀ XU HƯỚNG ĐIỀU TRA THEO THỊ TRƯỜNG

Trong khối CPTPP, mỗi quốc gia có một hệ thống pháp luật và cách tiếp cận riêng biệt đối với vấn đề chống lẩn tránh thuế. Việc hiểu rõ “khẩu vị” điều tra của

từng thị trường sẽ giúp doanh nghiệp xây dựng kịch bản ứng phó chính xác và hiệu quả.

1. Thị trường Canada – Sự khắt khe của cơ quan CBSA và xu hướng bảo hộ ngành thép

Canada được đánh giá là một trong những quốc gia có hệ thống phòng vệ thương mại phức tạp và nghiêm ngặt nhất thế giới. Cơ quan Dịch vụ Biên giới Canada (CBSA) và Tòa án Thương mại Quốc tế Canada (CITT) thường xuyên phối hợp để ngăn chặn các dòng hàng có dấu hiệu lẫn tránh.

1.1. Nhóm sản phẩm “vùng đỏ”: Thép và các sản phẩm từ thép

- **Trọng tâm điều tra:** Canada đặc biệt chú trọng đến các loại ống thép dẫn dầu (OCTG), thép tấm mạ và thép dây.

- **Xu hướng “chệch hướng thương mại”:** CBSA thường theo dõi sát các dòng thép từ Trung Quốc vào Việt Nam. Nếu phát hiện lượng nhập khẩu nguyên liệu này tăng đồng thời với lượng xuất khẩu thành phẩm sang Canada, họ sẽ khởi xướng điều tra chống lẫn tránh ngay lập tức.

- **Cơ chế Hạn ngạch thuế quan (TRQ):** Canada đã từng áp dụng các biện pháp tự vệ dưới dạng hạn ngạch đối với nhiều nhóm sản phẩm thép để kiểm soát sự gia tăng đột biến của hàng nhập

khẩu.

1.2. Đặc thù thẩm tra của CBSA

• Yêu cầu dữ liệu cực kỳ chi tiết:

CBSA không chỉ yêu cầu báo cáo tài chính mà còn soi xét kỹ lưỡng từng hóa đơn nguyên liệu và nhật ký sản xuất để xác định giá trị gia tăng tại Việt Nam.

- **Quy tắc 25% giá trị gia tăng:** Mặc dù không công bố con số cứng, nhưng thực tế các vụ việc cho thấy nếu giá trị gia tăng tạo ra tại Việt Nam dưới ngưỡng 25% so với tổng giá trị sản phẩm, rủi ro bị kết luận lẫn tránh là rất cao.

2. Thị trường Úc – Tập trung vào “Trợ cấp gián tiếp” và tính minh bạch của chi phí

Úc, thông qua Ủy ban Chống bán phá giá (ADC), có xu hướng điều tra rất sâu về cấu trúc chi phí và các khoản hỗ trợ từ Chính phủ đối với nguyên liệu đầu vào.

2.1. Nhóm sản phẩm rủi ro: Nhôm và Vật liệu xây dựng

- **Nhôm tấm và nhôm định hình:** Đây là mặt hàng Úc đang áp thuế rất nặng với Trung Quốc. Bất kỳ sự gia tăng nào từ nguồn cung Việt Nam sử dụng phôi nhôm ngoại khối đều bị đưa vào diện giám sát.

- **Sản phẩm dây cáp điện và thiết bị gia dụng:** Các sản phẩm này bị nghi ngờ lẫn tránh nếu quy trình tại Việt Nam

chỉ dừng lại ở khâu lắp ráp từ bộ linh kiện rời (CKD).

2.2. Phương pháp xác định giá trị thông thường của Úc

- **Bác bỏ chi phí nội địa:** Nếu ADC cho rằng giá nguyên liệu tại Việt Nam bị ảnh hưởng bởi sự can thiệp của Chính phủ (trợ cấp gián tiếp), họ có thể bác bỏ sổ sách của doanh nghiệp và sử dụng giá của một nước thứ ba để tính toán, dẫn đến biên độ thuế rất cao.

- **Yêu cầu sự hợp tác tuyệt đối:** Úc rất khắt khe với thời hạn trả lời bản câu hỏi. Việc chậm trễ dù chỉ một ngày cũng có thể khiến doanh nghiệp bị áp mức thuế không hợp tác (AFA).

3. Thị trường Mexico – Rào cản từ sự tương đồng về cơ cấu sản xuất

Mexico là một thị trường đặc biệt nhạy cảm do ngành sản xuất của họ có tính cạnh tranh trực tiếp với Việt Nam ở nhiều lĩnh vực chủ lực.

3.1. Điểm nóng: Dệt may, Giày dép và Thép cán nguội

- **Quy tắc xuất xứ khắt khe:** Mexico áp dụng quy tắc “từ sợi trở đi” một cách triệt để. Việc sử dụng vải từ các nguồn ngoài khối (như Trung Quốc, Ấn Độ) không chỉ khiến doanh nghiệp mất ưu đãi thuế CPTPP mà còn dễ bị Mexico khởi kiện tự vệ để bảo vệ ngành dệt nội địa.

- **Thép cán nguội và thép mạ:** Mexico thường xuyên phối hợp với các nước Bắc Mỹ (Mỹ, Canada) để ngăn chặn thép Trung Quốc đi vòng qua các nước thứ ba.

3.2. Xu hướng điều tra của Mexico

- **Khởi xướng dựa trên đơn kiện của Hiệp hội:** Các hiệp hội ngành hàng tại Mexico rất mạnh và có ảnh hưởng lớn đến quyết định khởi xướng điều tra của cơ quan quản lý nước này.

- **Tập trung vào “Gia công đơn giản”:** Mexico thường đưa ra các tiêu chuẩn rất cao về quy trình sản xuất thực chất để loại bỏ các doanh nghiệp chỉ thực hiện may mặc hoặc lắp ráp đơn thuần.

4. Dự báo xu hướng chung trong khối CPTPP giai đoạn 2025-2030

Dựa trên các diễn biến thực tế, xu hướng điều tra chống lẫn tránh trong khối sẽ tập trung vào ba yếu tố chính:





Liên kết dữ liệu liên quốc gia: Các nước CPTPP sẽ tăng cường chia sẻ dữ liệu hải quan để truy vết dòng hàng từ lúc là nguyên liệu thô đến khi thành thành phẩm xuất khẩu.

Siết chặt tiêu chí “Chuyển đổi đáng kể”: Các công đoạn gia công vốn trước đây được chấp nhận có thể sẽ bị coi là “đơn giản” nếu không đi kèm với đầu tư công nghệ và máy móc lớn tại Việt Nam.

Áp dụng thuế lây lan (Collateral Duty): Xu hướng áp thuế cho cả một ngành hàng nếu doanh nghiệp không chứng minh được sự khác biệt trong chuỗi cung ứng của mình so với các doanh nghiệp vi phạm khác.

Đánh giá tác động của các biện pháp chống lẩn tránh CBPG/CTC đối với doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu sang thị trường CPTPP



Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, đặc biệt thông qua các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, các biện pháp phòng vệ thương mại nói chung và biện pháp chống lẩn tránh chống bán phá giá (CBPG) và chống trợ cấp (CTC) nói riêng đang ngày càng được các nước nhập khẩu sử dụng phổ biến.

Việc áp dụng các biện pháp này không chỉ nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong nước của nước nhập khẩu mà còn phản ánh xu hướng gia tăng bảo hộ thương mại tinh vi trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Đối với doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu sang thị trường CPTPP, các biện pháp chống lẩn tránh CBPG/CTC tạo ra những tác động đa chiều, bao gồm cả tác

động tích cực lẫn tiêu cực. Việc đánh giá đầy đủ các tác động này có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp doanh nghiệp điều chỉnh chiến lược sản xuất – kinh doanh, đồng thời hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước xây dựng chính sách phù hợp nhằm nâng cao năng lực ứng phó của nền kinh tế.

1. Tác động tích cực đối với doanh nghiệp Việt Nam

1.1. Thúc đẩy doanh nghiệp nâng cao minh bạch xuất xứ hàng hóa

Một trong những tác động tích cực rõ nét nhất của các biện pháp chống lẩn tránh CBPG/CTC là việc buộc doanh nghiệp Việt Nam phải nâng cao mức độ minh bạch trong chứng minh xuất xứ hàng hóa. Trước đây, trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt và áp lực giảm chi phí, một bộ phận doanh nghiệp chưa thực sự chú trọng đến việc xây dựng hệ thống quản lý xuất xứ bài bản, dẫn đến rủi ro cao khi bị cơ quan điều tra nước nhập khẩu xem xét nghi ngờ hành vi lẩn tránh thuế.

Khi các nước CPTPP tăng cường điều tra chống lẩn tránh, doanh nghiệp Việt Nam buộc phải đầu tư nghiêm túc hơn

vào việc xây dựng hồ sơ chứng minh nguồn gốc nguyên liệu, quá trình sản xuất và tỷ lệ giá trị gia tăng trong nước. Điều này góp phần nâng cao tính minh bạch, chuyên nghiệp trong hoạt động sản xuất – xuất khẩu, từ đó giúp doanh nghiệp đáp ứng tốt hơn các tiêu chuẩn quốc tế.

Bên cạnh đó, việc minh bạch xuất xứ không chỉ giúp doanh nghiệp giảm nguy cơ bị điều tra mà còn tạo dựng uy tín lâu dài với đối tác nước ngoài. Trong bối cảnh các thị trường CPTPP ngày càng coi trọng truy xuất nguồn gốc, tính bền vững và trách nhiệm xã hội, doanh nghiệp có hệ thống quản lý xuất xứ rõ ràng sẽ có lợi thế cạnh tranh lớn hơn so với các đối thủ thiếu minh bạch.

Ngoài ra, việc tuân thủ chặt chẽ quy tắc xuất xứ CPTPP cũng giúp doanh nghiệp tận dụng tốt hơn các ưu đãi thuế quan theo hiệp định, từ đó nâng cao hiệu quả xuất khẩu. Như vậy, mặc dù ban đầu tạo ra áp lực tuân thủ, các biện pháp chống lẫn tránh CBPG/CTC về lâu dài lại góp phần thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam phát triển theo hướng minh bạch và bền vững hơn.

1.2. Khuyến khích đầu tư sản xuất thực chất, gia tăng giá trị nội địa

Các biện pháp chống lẫn tránh CBPG/CTC không chỉ nhắm đến hành vi gian

lận xuất xứ mà còn nhằm hạn chế các mô hình sản xuất mang tính chất “gia công đơn giản”, chỉ thực hiện một số công đoạn tối thiểu để né tránh thuế. Điều này tạo ra sức ép buộc doanh nghiệp Việt Nam phải đầu tư vào sản xuất thực chất, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và giá trị gia tăng trong nước.

Trước áp lực bị điều tra chống lẫn tránh, nhiều doanh nghiệp đã nhận thức rõ rằng việc phụ thuộc quá lớn vào nguyên liệu nhập khẩu từ các quốc gia đang bị áp thuế CBPG/CTC sẽ làm gia tăng rủi ro thương mại.

Do đó, doanh nghiệp có xu hướng tìm kiếm nguồn cung nguyên liệu trong nước hoặc từ các quốc gia không bị áp thuế, đồng thời đầu tư vào công nghệ, máy móc để thực hiện nhiều công đoạn sản xuất hơn tại Việt Nam.

Việc chuyển dịch từ mô hình sản xuất dựa trên lợi thế lao động giá rẻ sang mô hình sản xuất có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao hơn không chỉ giúp doanh nghiệp giảm nguy cơ bị cáo buộc lẫn tránh mà còn góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh tổng thể của ngành sản xuất trong nước.

Về dài hạn, điều này phù hợp với chiến lược phát triển công nghiệp bền vững của Việt Nam, giảm phụ thuộc vào gia công và nâng cao vị thế trong chuỗi

giá trị toàn cầu.

Ngoài ra, các biện pháp chống lẩn tránh CBPG/CTC còn góp phần sàng lọc thị trường, loại bỏ những doanh nghiệp hoạt động thiếu bền vững hoặc dựa trên các hành vi gian lận thương mại. Điều này tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh hơn, khuyến khích các doanh nghiệp làm ăn chân chính đầu tư lâu dài và phát triển ổn định.

1.3. Nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật và quản trị rủi ro thương mại quốc tế

Việc đối mặt với các vụ việc điều tra chống lẩn tránh CBPG/CTC buộc doanh nghiệp Việt Nam phải quan tâm nhiều hơn đến hệ thống pháp luật thương mại quốc tế, đặc biệt là các quy định về phòng vệ thương mại, quy tắc xuất xứ, và nghĩa vụ hợp tác trong quá trình điều tra. Thay vì chỉ tập trung vào yếu tố thị trường và giá cả, doanh nghiệp dần nhận thức rõ rằng tuân thủ pháp lý và quản trị rủi ro thương mại là một cấu phần không thể thiếu trong chiến lược xuất khẩu bền vững.

Trong quá trình chuẩn bị hồ sơ trả lời câu hỏi điều tra, làm việc với luật sư, hiệp hội ngành hàng và cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp từng bước tích lũy kinh nghiệm thực tiễn, hiểu rõ hơn về cách thức vận hành của các cơ quan

điều tra nước ngoài cũng như các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động xuất khẩu. Điều này giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong việc rà soát chuỗi cung ứng, cấu trúc sản xuất và hợp đồng thương mại, từ đó giảm thiểu nguy cơ vi phạm và bị áp dụng biện pháp bất lợi trong tương lai.

Về lâu dài, việc nâng cao năng lực tuân thủ và quản trị rủi ro không chỉ giúp doanh nghiệp ứng phó tốt hơn với các vụ việc CBPG/CTC mà còn nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp nói chung, tạo nền tảng vững chắc cho việc mở rộng sang các thị trường có tiêu chuẩn cao khác ngoài CPTPP.

1.4. Thúc đẩy đa dạng hóa thị trường và chiến lược xuất khẩu bền vững

Áp lực từ các cuộc điều tra chống lẩn tránh CBPG/CTC tại một số thị trường CPTPP cũng tạo động lực để doanh nghiệp Việt Nam xem xét lại mức độ phụ thuộc vào một hoặc một số thị trường xuất khẩu nhất định. Khi rủi ro thương mại gia tăng, doanh nghiệp có xu hướng chủ note động đa dạng hóa thị trường, sản phẩm và phân khúc khách hàng nhằm phân tán rủi ro và đảm bảo tính ổn định trong hoạt động kinh doanh.

Quá trình này khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nhiều hơn vào nghiên cứu thị trường, cải tiến mẫu mã, nâng cao

chất lượng sản phẩm và đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật – môi trường – lao động khác nhau của từng thị trường. Nhờ đó, doanh nghiệp không chỉ tránh được tình trạng “tăng trưởng nóng” dựa vào lợi thế ngắn hạn mà từng bước xây dựng chiến lược xuất khẩu dài hạn, bền vững và có khả năng chống chịu tốt hơn trước các cú sốc thương mại.

Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa thị trường còn giúp doanh nghiệp giảm áp lực cạnh tranh trực diện tại các thị trường đang bị giám sát chặt chẽ về phòng vệ thương mại, đồng thời mở ra cơ hội tiếp cận các thị trường ngách hoặc thị trường mới nổi có tiềm năng tăng trưởng. Đây là một tác động tích cực mang tính gián tiếp nhưng có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển lâu dài của doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập sâu rộng.

2. Tác động tiêu cực đối với doanh nghiệp Việt Nam

Bên cạnh những tác động tích cực, không thể phủ nhận rằng các biện pháp chống lẩn tránh CBPG/CTC cũng gây ra nhiều hệ quả tiêu cực đối với doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ với nguồn lực hạn chế.

2.1. Gia tăng chi phí tuân thủ và chi phí pháp lý

Một trong những tác động tiêu cực rõ ràng nhất là sự gia tăng đáng kể chi phí tuân thủ. Khi đối mặt với nguy cơ bị điều tra chống lẩn tránh, doanh nghiệp phải đầu tư nguồn lực lớn để xây dựng và duy trì hệ thống quản lý xuất xứ, kế toán chi tiết, cũng như lưu trữ hồ sơ sản xuất trong thời gian dài.

Ngoài ra, trong trường hợp bị khởi xướng điều tra, doanh nghiệp phải chi trả chi phí thuê luật sư, chuyên gia tư vấn, dịch thuật tài liệu và phối hợp trả lời các bảng câu hỏi phức tạp từ cơ quan điều tra nước nhập khẩu. Đối với nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ, đây là gánh nặng tài chính đáng kể, thậm chí vượt quá khả năng chịu đựng.

Không chỉ vậy, quá trình điều tra thường kéo dài nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, khiến doanh nghiệp phải phân bổ nguồn lực quản lý và nhân sự cho việc ứng phó thay vì tập trung vào hoạt động sản xuất – kinh doanh cốt lõi. Điều này làm giảm hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong ngắn hạn.

2.2. Rủi ro bị điều tra và áp thuế cao

Ngay cả khi doanh nghiệp không có hành vi lẩn tránh cố ý, nguy cơ bị điều tra vẫn luôn hiện hữu do các tiêu chí xác định lẩn tránh CBPG/CTC tại nhiều

nước CPTPP khá rộng và phức tạp. Trong một số trường hợp, chỉ cần sự gia tăng đột biến về kim ngạch xuất khẩu hoặc thay đổi nhỏ trong quy trình sản xuất cũng có thể khiến doanh nghiệp trở thành đối tượng điều tra.

Nếu bị kết luận có hành vi lẩn tránh, doanh nghiệp có thể phải chịu mức thuế CBPG/CTC tương đương hoặc thậm chí cao hơn mức thuế áp dụng cho quốc gia bị cáo buộc ban đầu. Điều này làm mất hoàn toàn lợi thế về giá của hàng hóa Việt Nam trên thị trường nhập khẩu, khiến sản phẩm trở nên kém cạnh tranh hoặc không thể tiếp tục xuất khẩu.

Thậm chí, trong thời gian điều tra, nhiều đối tác nhập khẩu có xu hướng tạm ngừng ký kết hợp đồng mới hoặc giảm đơn hàng do lo ngại rủi ro thuế. Điều này gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến dòng tiền và kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp.

2.3. Mất đơn hàng hoặc thị phần xuất khẩu

Hệ quả trực tiếp của việc bị điều tra hoặc áp thuế chống lẩn tránh là nguy cơ mất đơn hàng và thị phần xuất khẩu tại thị trường CPTPP. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, các nhà nhập khẩu thường nhanh chóng chuyển sang tìm kiếm nguồn cung thay thế từ các quốc gia khác để tránh rủi ro thuế quan.

Đối với doanh nghiệp Việt Nam, việc mất thị phần tại một thị trường CPTPP không chỉ gây thiệt hại trước mắt mà còn ảnh hưởng đến uy tín và khả năng quay trở lại thị trường trong tương lai. Một khi chuỗi cung ứng đã được thiết lập với nhà cung cấp mới, việc giành lại thị phần sẽ gặp rất nhiều khó khăn, ngay cả khi doanh nghiệp đã khắc phục được các vấn đề liên quan đến thuế.

2.4. Gia tăng mức độ bất định và rủi ro trong hoạt động kinh doanh

Các cuộc điều tra chống lẩn tránh CBPG/CTC thường có thời gian kéo dài, kết quả khó dự đoán và phụ thuộc nhiều vào cách diễn giải của cơ quan điều tra nước nhập khẩu. Điều này làm gia tăng mức độ bất định trong môi trường kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt đối với các doanh nghiệp có tỷ trọng xuất khẩu lớn sang thị trường CPTPP.

Trong thời gian bị điều tra, doanh nghiệp khó có thể xây dựng kế hoạch sản xuất – kinh doanh trung và dài hạn do không chắc chắn về khả năng tiếp tục xuất khẩu, mức thuế có thể bị áp dụng, hay phản ứng của đối tác nhập khẩu. Sự bất định này khiến doanh nghiệp e ngại trong việc mở rộng đầu tư, ký kết hợp đồng dài hạn hoặc triển khai các dự án sản xuất mới, từ đó làm giảm động lực tăng trưởng và đổi mới.

Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, mức độ chịu đựng rủi ro thấp hơn, nên sự bất định kéo dài có thể dẫn đến quyết định thu hẹp quy mô, rút khỏi thị trường xuất khẩu hoặc chuyển sang các hoạt động có giá trị gia tăng thấp hơn. Điều này ảnh hưởng tiêu cực không chỉ đến từng doanh nghiệp mà còn đến sự phát triển bền vững của ngành xuất khẩu nói chung.

2.5. Nguy cơ bị đánh đồng và ảnh hưởng lan tỏa đến toàn ngành

Một đặc điểm đáng lưu ý của các vụ việc chống lẩn tránh CBPG/CTC là tác động không chỉ giới hạn ở một doanh nghiệp đơn lẻ mà có thể lan rộng ra toàn ngành hoặc toàn bộ hàng hóa có cùng mã HS. Trong nhiều trường hợp, hành vi vi phạm (hoặc bị nghi ngờ vi phạm) của một số doanh nghiệp có thể khiến cả ngành hàng của Việt Nam bị đưa vào diện giám sát hoặc điều tra.

Hệ quả là ngay cả những doanh nghiệp tuân thủ đầy đủ quy định, có hoạt động sản xuất thực chất và minh bạch, vẫn có thể bị ảnh hưởng tiêu cực do tâm lý thận trọng của nhà nhập khẩu hoặc do các biện pháp áp dụng mang tính bao trùm. Điều này làm giảm động lực đầu tư của các doanh nghiệp làm ăn chân chính, đồng thời tạo ra cảm giác “rủi ro tập thể” trong hoạt động xuất khẩu.

Về dài hạn, việc thường xuyên bị điều tra hoặc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh còn có thể ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín chung của hàng hóa Việt Nam trên thị trường CPTPP, khiến các đối tác nước ngoài gia tăng mức độ kiểm soát, yêu cầu cao hơn về hồ sơ, thủ tục và điều kiện giao dịch. Điều này làm gia tăng chi phí giao dịch và giảm sức hấp dẫn của Việt Nam trong vai trò là điểm đến sản xuất – xuất khẩu.

3. Case Study: Vụ việc Canada điều tra chống lẩn tránh thuế CBPG/CTC đối với sản phẩm sơ-mi-rơ-moóc (container chassis / semi-trailers) xuất khẩu từ Việt Nam



3.1. Bối cảnh vụ việc

Trong bối cảnh các quốc gia CPTPP ngày càng gia tăng sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong nước, Canada là một trong những thị trường tích cực áp dụng và mở rộng phạm vi điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá

(CBPG) và chống trợ cấp (CTC).

Trước đó, Canada đã áp dụng biện pháp CBPG và CTC ở mức rất cao đối với sản phẩm sơ-mi-rơ-moóc (semi-trailers/container chassis) có xuất xứ từ Trung Quốc.

Sau khi các biện pháp này có hiệu lực, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm tương tự từ Trung Quốc vào Canada giảm mạnh, trong khi nhập khẩu từ Việt Nam lại gia tăng đáng kể. Diễn biến này làm dấy lên nghi ngờ từ phía ngành sản xuất Canada về khả năng hàng hóa Trung Quốc được chuyển dịch sang Việt Nam để lẩn tránh các biện pháp phòng vệ thương mại.

Trên cơ sở đơn kiện của doanh nghiệp sản xuất trong nước, Cơ quan Dịch vụ Biên giới Canada (CBSA) đã chính thức khởi xướng điều tra chống lẩn tránh CBPG/CTC đối với sản phẩm sơ-mi-rơ-moóc nhập khẩu từ Việt Nam theo quy định của Đạo luật Các biện pháp Nhập khẩu Đặc biệt của Canada (SIMA).

3.2. Nội dung và phạm vi điều tra

Cuộc điều tra của CBSA tập trung làm rõ các nội dung chính sau:

- Liệu hoạt động sản xuất sơ-mi-rơ-moóc tại Việt Nam có mang tính thực chất hay chỉ là gia công, lắp ráp đơn giản nhằm né tránh thuế;

- Mức độ phụ thuộc của doanh nghiệp Việt Nam vào linh kiện, nguyên liệu có

xuất xứ từ Trung Quốc, đặc biệt là các bộ phận chính quyết định bản chất của sản phẩm;

- Tỷ lệ giá trị gia tăng được tạo ra tại Việt Nam và vai trò của các công đoạn sản xuất trong việc làm thay đổi bản chất hàng hóa;

- Mối liên hệ giữa sự gia tăng xuất khẩu từ Việt Nam với việc áp thuế phòng vệ thương mại đối với Trung Quốc.

- Phạm vi điều tra bao gồm các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu sơ-mi-rơ-moóc sang Canada trong giai đoạn điều tra, với sản phẩm được phân loại chủ yếu theo các mã HS thuộc nhóm phương tiện không tự hành.

3.3. Quá trình điều tra và kết luận của Canada

Trong quá trình điều tra, CBSA đã thu thập và phân tích khối lượng lớn thông tin do doanh nghiệp Việt Nam cung cấp, bao gồm hồ sơ kế toán, dữ liệu nhập khẩu nguyên liệu, quy trình sản xuất, sơ đồ công nghệ, chi phí sản xuất và các tài liệu chứng minh xuất xứ.

Kết quả điều tra cho thấy:

- Hoạt động sản xuất sơ-mi-rơ-moóc tại Việt Nam không chỉ dừng ở khâu lắp ráp đơn giản, mà bao gồm nhiều công đoạn chế tạo, gia công cơ khí và hoàn thiện sản phẩm có giá trị gia tăng đáng kể;

- Tỷ lệ linh kiện có xuất xứ từ Trung Quốc không chiếm ưu thế quyết định trong tổng chi phí sản xuất, và không làm thay đổi bản chất xuất xứ của hàng hóa;
- Việc gia tăng xuất khẩu từ Việt Nam không đủ cơ sở để kết luận là hệ quả trực tiếp của hành vi lẫn tránh các biện pháp CBPG/CTC áp dụng đối với Trung Quốc.
- Trên cơ sở đó, CBSA đã ban hành kết luận cuối cùng xác định rằng sản phẩm sơ-mi-rơ-moóc nhập khẩu từ Việt Nam không lẫn tránh các biện pháp CBPG/CTC đang áp dụng đối với Trung Quốc, và do đó không áp dụng biện pháp chống lẫn tránh đối với hàng hóa Việt Nam.

3.4. Ý nghĩa và tác động của vụ việc

Vụ việc này là một dẫn chứng điển hình cho thấy các biện pháp chống lẫn tránh CBPG/CTC tuy tạo ra áp lực lớn đối với doanh nghiệp xuất khẩu, nhưng không mang tính trừng phạt mặc định, mà phụ thuộc chặt chẽ vào mức độ tuân thủ và tính thực chất của hoạt động sản xuất.

Đối với doanh nghiệp Việt Nam, kết luận của Canada mang lại một số tác động quan trọng:

- Khẳng định rằng đầu tư sản xuất thực chất, minh bạch nguồn gốc và hợp tác đầy đủ trong quá trình điều tra có thể giúp doanh nghiệp vượt qua các cáo buộc lẫn tránh;
- Giúp doanh nghiệp duy trì khả năng tiếp cận thị trường Canada mà không phải chịu gánh nặng thuế CBPG/CTC rất cao;

Tạo tiền lệ tích cực cho các vụ việc tương tự tại các thị trường CPTPP khác, đồng thời nâng cao uy tín của hàng hóa Việt Nam trong bối cảnh gia tăng các biện pháp phòng vệ thương mại.

Ở góc độ chính sách, vụ việc cho thấy tầm quan trọng của việc nâng cao năng lực ứng phó với các vụ việc phòng vệ thương mại, không chỉ ở cấp doanh nghiệp mà còn thông qua vai trò hỗ trợ của cơ quan quản lý nhà nước và các hiệp hội ngành hàng.

Các biện pháp phòng ngừa và xây dựng hệ thống tuân thủ nội bộ để giảm nguy cơ bị điều tra chống lẩn tránh CBPG/CTC

1. Xây dựng hệ thống quản trị dữ liệu và hồ sơ kế toán minh bạch

Trong các vụ việc điều tra chống lẩn tránh, cơ quan điều tra (như CBSA của Canada hay ADC của Úc) thường tập trung vào việc xác định xem hàng hóa có thực sự được sản xuất tại Việt Nam với giá trị gia tăng đáng kể hay chỉ là hành vi trung chuyển/lắp ráp đơn giản. Một hệ thống dữ liệu minh bạch là bằng chứng duy nhất giúp doanh nghiệp vượt qua các đợt thẩm tra tại chỗ.

a. Chuẩn hóa hệ thống kế toán theo tiêu chuẩn quốc tế (IFRS)

- **Khớp nối số liệu:** Doanh nghiệp cần chuyển đổi hoặc xây dựng hệ thống báo cáo tài chính có khả năng tương thích với các tiêu chuẩn quốc tế. Điều này giúp các điều tra viên nước ngoài dễ dàng đối chiếu giữa sổ cái, sổ chi tiết và các chứng từ gốc mà không nghi ngờ về tính xác thực của dữ liệu.

- **Minh bạch chi phí sản xuất (Cost of Production):** Hệ thống phải có khả năng bóc tách chi tiết giá thành cho từng mã hàng (SKU) hoặc từng lô hàng xuất khẩu, bao gồm: chi phí nguyên liệu trực tiếp, chi phí nhân công, và chi phí quản lý chung phân bổ.

b. Thiết lập quy trình lưu trữ hồ sơ chứng từ nghiêm ngặt

Doanh nghiệp cần duy trì “vết tích kiểm toán” (audit trail) liên tục cho toàn bộ vòng đời của sản phẩm:

- **Hồ sơ đầu vào:** Lưu trữ hợp đồng mua hàng, hóa đơn GTGT, chứng từ thanh toán ngân hàng đối với mọi loại nguyên liệu đầu vào. Đặc biệt, nếu mua từ nhà cung cấp nội địa, cần yêu cầu họ cam kết về nguồn gốc nguyên liệu để tránh rủi ro “lây lan” lẩn tránh.

- **Hồ sơ sản xuất:** Nhật ký sản xuất, định mức tiêu hao nguyên vật liệu thực tế, bảng chấm công nhân viên tại các công đoạn sản xuất trực tiếp. Đây là bằng chứng cho thấy quy trình sản xuất là “thực chất” chứ không phải gia công đơn giản.

- **Hồ sơ xuất khẩu:** Tờ khai hải quan, vận đơn (Bill of Lading), chứng nhận xuất xứ (C/O) và các điện chuyển tiền (SWIFT) tương ứng với từng đơn hàng.

c. Hệ thống truy xuất nguồn gốc (Traceability)

- **Liên kết dữ liệu:** Xây dựng phần mềm quản trị (ERP) hoặc hệ thống quản lý kho có khả năng kết nối giữa nguyên

liệu đầu vào cụ thể với thành phẩm đầu ra tương ứng. Khi cơ quan điều tra chọn mẫu một lô hàng bất kỳ, doanh nghiệp phải chứng minh được lô hàng đó dùng nguyên liệu từ hóa đơn nào, nhập kho ngày nào và sản xuất trên dây chuyền nào.

- **Thời gian lưu trữ:** Khuyến nghị lưu trữ hồ sơ bản cứng và bản quét (scan) tối thiểu từ 05 đến 10 năm, do các vụ điều tra chống lẩn tránh có thể truy hồi dữ liệu của nhiều năm trước đó.

d. Xây dựng quy trình tự kiểm tra (Internal Audit)

- **Rà soát định kỳ:** Hàng quý hoặc hàng năm, bộ phận kế toán phối hợp với bộ phận pháp chế tự thực hiện các đợt “giả định thẩm tra” để phát hiện các lỗ hổng trong chứng từ hoặc sự sai lệch giữa số liệu sản xuất thực tế và tờ khai xuất khẩu.

- **Đánh giá rủi ro đối tác:** Định kỳ kiểm tra danh sách các nhà cung cấp nguyên liệu xem họ có đang bị quốc gia nhập khẩu (như Canada, Úc) áp thuế phòng vệ thương mại hay không để chủ động thay đổi nguồn hàng hoặc tăng cường kiểm soát chứng từ xuất xứ.

Một hệ thống hồ sơ hoàn hảo không chỉ giúp doanh nghiệp giảm thiểu nguy cơ bị kết luận là lẩn tránh mà còn tạo lòng tin với cơ quan điều tra, từ đó có

thể được hưởng mức thuế riêng biệt hoặc được loại trừ khỏi biện pháp áp thuế toàn quốc.

2. Kiểm soát nghiêm ngặt chuỗi cung ứng và nguồn gốc nguyên liệu

Trong điều tra chống lẩn tránh (Anti-circumvention), cơ quan điều tra thường áp dụng quy tắc “giá trị gia tăng không đáng kể”. Nếu hàng hóa sử dụng quá nhiều nguyên liệu từ quốc gia bị áp thuế gốc và quá trình sản xuất tại Việt Nam không làm thay đổi bản chất sản phẩm, doanh nghiệp sẽ bị kết luận là lẩn tránh.

a. Chiến lược ưu tiên nguyên liệu nội khối và nội địa

- **Tăng cường hàm lượng giá trị nội địa (LVC/RVC):** Doanh nghiệp cần chủ động chuyển dịch nguồn cung, ưu tiên mua nguyên liệu từ các nhà sản xuất tại Việt Nam hoặc các đối tác trong khối CPTPP. Việc này không chỉ giúp hưởng ưu đãi thuế quan mà còn là bằng chứng thép cho thấy hàng hóa có xuất xứ thực chất.

- **Tránh sử dụng nguyên liệu từ “điểm nóng”:** Hạn chế tối đa việc nhập khẩu nguyên vật liệu chính từ các quốc gia/doanh nghiệp đang bị nước nhập khẩu (như Canada, Úc, Mexico) áp thuế chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp đối với cùng mặt hàng đó.

b. Thiết lập quy trình thẩm định

nhà cung cấp (Supplier Due Diligence)

Doanh nghiệp không chỉ chịu trách nhiệm về hồ sơ của mình mà còn có thể bị liên lụy bởi hồ sơ của nhà cung cấp:

- **Yêu cầu cam kết xuất xứ:** Trong hợp đồng mua bán nguyên liệu, cần bổ sung điều khoản yêu cầu nhà cung cấp cam kết về nguồn gốc hàng hóa và sẵn sàng phối hợp cung cấp chứng từ khi có điều tra.

- **Đánh giá năng lực sản xuất của đối tác:** Định kỳ kiểm tra thực tế cơ sở sản xuất của nhà cung cấp nội địa để đảm bảo họ thực sự sản xuất ra nguyên liệu đó chứ không phải cũng là đơn vị nhập khẩu rồi bán lại.

c. Chứng minh “Chuyển đổi đáng kể” (Substantial Transformation)

Để không bị coi là gia công đơn giản (assembly/minor finishing), doanh nghiệp phải chứng minh quy trình tại Việt Nam tạo ra sự thay đổi cơ bản:

- **Đầu tư công nghệ và máy móc:** Lưu trữ hồ sơ đầu tư máy móc, khấu hao tài sản cố định để chứng minh năng lực sản xuất thực chất. Các công đoạn như nấu luyện, cán, đúc (đối với thép) hoặc dệt, nhuộm (đối với dệt may) luôn được đánh giá cao hơn là chỉ cắt, dập hoặc may đơn thuần.

- **Phân tích chi phí gia tăng:** Xây dựng bảng so sánh chi phí giữa nguyên

liệu nhập khẩu và giá trị gia tăng tại Việt Nam (chi phí điện năng, nhân công, chi phí quản lý). Quy định của nhiều nước (như Mỹ hay EU và các nước CPTPP) thường yêu cầu giá trị gia tăng phải đạt một ngưỡng nhất định (ví dụ trên 25%) để không bị coi là lẫn tránh.

d. Quản lý Chứng nhận xuất xứ (C/O) thực chất

- **Tuân thủ quy tắc xuất xứ cụ thể mặt hàng (PSR):** Hiểu rõ quy tắc xuất xứ đối với từng mã HS trong Hiệp định CPTPP (như quy tắc "từ sợi trở đi" đối với dệt may hoặc chuyển đổi mã số thuế đối với thép).

- **Sẵn sàng hồ sơ phân tích giá thành:** Luôn chuẩn bị sẵn bản giải trình cách tính tiêu chí RVC (Hàm lượng giá trị khu vực) hoặc CTC (Chuyển đổi mã hàng) để trình cho cơ quan cấp C/O và cơ quan điều tra nước ngoài khi được yêu cầu.

Nếu doanh nghiệp buộc phải nhập khẩu nguyên liệu từ quốc gia đang bị áp thuế gốc, hãy đảm bảo rằng quy trình gia công tại Việt Nam phải đủ phức tạp để làm thay đổi mã HS ở cấp độ 4 số hoặc 6 số (theo quy tắc CTC) và có sự đầu tư lớn về máy móc, thiết bị tại nhà xưởng.

3. Thiết lập bộ phận chuyên trách về Phòng vệ thương mại (PVTM)

Trong các vụ điều tra chống lẫn tránh,

áp lực về thời gian là cực kỳ lớn (thường chỉ có 15-30 ngày để trả lời bản câu hỏi sơ bộ). Nếu không có một bộ phận chuyên trách nắm rõ hồ sơ và luật chơi, doanh nghiệp rất dễ bị cơ quan điều tra kết luận là "không hợp tác" và bị áp mức thuế cao nhất dựa trên dữ liệu sẵn có bất lợi (AFA).

a. Hình thành đội ngũ nhân sự đa năng (Compliance Team)

Doanh nghiệp cần xây dựng một nhóm làm việc phối hợp (Task Force) bao gồm các vị trí cốt lõi:

- **Nhân sự Pháp chế:** Nắm vững các quy định về phòng vệ thương mại của WTO và các hiệp định như CPTPP để đọc hiểu các thông báo điều tra.

- **Kế toán quản trị:** Phải là những người am hiểu cách bóc tách chi phí và có khả năng giải trình số liệu với điều tra viên nước ngoài.

- **Quản lý sản xuất/Kho:** Nắm rõ quy trình luân chuyển nguyên vật liệu thực tế tại nhà máy để đối chiếu với hồ sơ chứng từ.

b. Xây dựng quy trình phản ứng nhanh (Standard Operating Procedure - SOP)

Bộ phận chuyên trách cần thiết lập sẵn một kịch bản ứng phó khi vụ việc xảy ra:

- **Quy trình 72 giờ đầu tiên:** Ngay khi nhận tin cảnh báo hoặc thông báo

khởi xướng, bộ phận này phải lập tức rà soát lại toàn bộ dữ liệu xuất khẩu của mặt hàng liên quan trong 3 năm gần nhất.

- **Thiết lập kênh liên lạc ưu tiên:** Kết nối trực tiếp với Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương) và các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài để nhận hướng dẫn về mặt thủ tục và chính sách.

c. Đào tạo và cập nhật năng lực thực chiến

- **Tham gia diễn tập kháng kiện:** Thường xuyên cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn, diễn tập trả lời bản câu hỏi do Bộ Công Thương hoặc các Hiệp hội tổ chức.

- **Cập nhật tiền lệ pháp lý:** Theo dõi các vụ việc tương tự đã xảy ra tại các nước CPTPP (như các vụ thép tại Canada hay Úc) để rút ra bài học về cách lập luận và các loại bằng chứng mà cơ quan điều tra nước bạn thường chấp nhận.

d. Quản lý mạng lưới tư vấn bên ngoài

- **Lựa chọn luật sư tư vấn:** Bộ phận chuyên trách có nhiệm vụ đánh giá và duy trì mối quan hệ với các văn phòng luật sư có uy tín tại thị trường mục tiêu. Việc thuê luật sư sở tại là cần thiết vì họ am hiểu ngôn ngữ, văn hóa tố tụng và các “ngách” pháp lý của cơ quan điều tra

nước bạn.

Thẩm định báo cáo: Bộ phận chuyên trách phải là đơn vị kiểm soát cuối cùng nội dung bản trả lời câu hỏi do luật sư soạn thảo, đảm bảo thông tin khớp với thực tế sản xuất tại nhà máy.

4. Giám sát giá bán và kim ngạch xuất khẩu

Trong các vụ điều tra lẩn tránh thuế, hai dấu hiệu quan trọng nhất kích hoạt đơn kiện là: **Sự tăng trưởng kim ngạch đột biến** từ Việt Nam và **Mức giá xuất khẩu thấp bất thường** (nghi vấn do sử dụng nguyên liệu rẻ tiền từ nước bị áp thuế gốc). Việc chủ động giám sát các chỉ số này giúp doanh nghiệp tự bảo vệ mình trước khi quá muộn.

a. Xây dựng ngưỡng cảnh báo sớm nội bộ (Early Warning Thresholds)

• **Theo dõi kim ngạch hàng tháng:** Bộ phận chuyên trách cần thống kê lượng xuất khẩu theo từng mã HS sang các thị trường mục tiêu (như Canada, Úc). Nếu kim ngạch tăng trưởng vượt mức **15-20% trong một quý** mà không đi kèm với sự gia tăng tương ứng của nhu cầu thị trường, doanh nghiệp cần rà soát lại ngay lập tức để tránh bị coi là đang “đổ bộ” hàng hóa lẩn tránh.

• **Đối chiếu với số liệu nhập khẩu nguyên liệu:** Giám sát chặt chẽ mối tương quan giữa lượng nguyên liệu nhập

khẩu (từ nước đang bị áp thuế) và lượng thành phẩm xuất khẩu. Sự bất cân xứng lớn trong các số liệu này là bằng chứng điển hình mà cơ quan điều tra dùng để kết luận hành vi lẩn tránh.

b. Chính sách giá bán minh bạch và dựa trên thị trường

• **Tránh cạnh tranh bằng giá rẻ cực đoan:** Doanh nghiệp không nên hạ giá quá sâu để chiếm lĩnh thị trường trong thời gian ngắn. Giá xuất khẩu cần phản ánh đúng giá trị gia tăng thực tế tại Việt Nam cộng với lợi nhuận hợp lý.

• **Hệ thống hóa dữ liệu giá (Price Monitoring):** Lưu trữ bảng giá niêm yết, các điều khoản thương mại (Incoterms) và bằng chứng về việc đàm phán giá với khách hàng. Điều này giúp chứng minh giá bán được hình thành từ thỏa thuận thương mại thuần túy, không phải do được “bao cấp” từ nguồn nguyên liệu lẩn tránh thuế.

c. Đa dạng hóa thị trường và danh mục sản phẩm

• **Quy tắc không “bỏ trứng vào một giỏ”:** Hạn chế việc tập trung quá **30-40%** tổng sản lượng xuất khẩu vào một thị trường duy nhất trong khối CPTPP. Việc phân tán thị trường sang các nước như Nhật Bản, Singapore hay Mexico giúp giảm thiểu thiệt hại tổng thể nếu một quốc gia bất ngờ khởi xướng điều

tra.

Chuyển dịch sang sản phẩm giá trị gia tăng cao: Thay vì xuất khẩu các sản phẩm thép hoặc dệt may sơ chế (dễ bị nghi ngờ lẫn tránh), doanh nghiệp nên đầu tư vào các dòng sản phẩm có đặc tính kỹ thuật riêng biệt. Những mặt hàng này thường có biên độ giá cao hơn và khó bị thay thế, từ đó ít bị ảnh hưởng bởi các biện pháp tự vệ hay chống lẫn tránh toàn quốc.

d. Phối hợp thông tin với các đối tác nhập khẩu

•**Nắm bắt biến động thị trường sở tại:** Thường xuyên trao đổi với các nhà nhập khẩu tại Canada, Úc để nắm bắt phản ứng của các hiệp hội sản xuất nội địa nước bạn. Nếu các đối thủ nội địa tại nước nhập khẩu bắt đầu có động thái khiếu nại về lượng hàng từ Việt Nam, doanh nghiệp cần có chiến lược điều chỉnh lượng xuất khẩu kịp thời.

Cam kết về sản lượng ổn định: Ưu tiên các hợp đồng dài hạn với sản lượng ổn định thay vì các đơn hàng ngắn hạn, số lượng lớn đột biến, vốn thường là đối tượng hàng đầu bị cơ quan hải quan nước bạn đưa vào diện kiểm tra xuất xứ.

Hướng dẫn doanh nghiệp Việt Nam cần làm gì khi đối mặt với vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế CBPG/CTC của các quốc gia CPTPP

1. Phản ứng tức thì trong “Giai đoạn vàng”

Khi nhận được thông báo khởi xướng điều tra hoặc tin cảnh báo chính thức, doanh nghiệp cần kích hoạt quy trình phản ứng nhanh trong vòng 72 giờ đầu tiên để kiểm soát tình hình. Việc chậm trễ trong giai đoạn này có thể dẫn đến việc bị cơ quan điều tra kết luận là không hợp tác và phải chịu mức thuế cao nhất dựa trên dữ liệu sẵn có bất lợi (AFA).

a. Xác lập nhóm tác chiến (Task Force)

Doanh nghiệp cần ngay lập tức hình thành một đội ngũ nhân sự đa năng để tiếp nhận hồ sơ và phân công trách nhiệm cụ thể:

- Nhân sự Pháp chế:** Đóng vai trò nòng cốt trong việc đọc hiểu các thông báo điều tra, nắm vững các quy định của WTO và Hiệp định CPTPP để xác định phạm vi sản phẩm bị điều tra.

- Kế toán quản trị:** Phải là những người am hiểu sâu về cách bóc tách chi phí sản xuất (Cost of Production) và có khả năng giải trình số liệu một cách

minh bạch với điều tra viên.

- Quản lý sản xuất và Kho:** Chịu trách nhiệm rà soát thực tế quy trình luân chuyển nguyên vật liệu tại nhà máy và đối chiếu với hồ sơ chứng từ để chứng minh quy trình sản xuất là thực chất.

b. Rà soát và đánh giá dữ liệu xuất khẩu

Ngay trong 72 giờ đầu, nhóm tác chiến phải lập tức rà soát lại toàn bộ dữ liệu xuất khẩu của mặt hàng liên quan trong ít nhất 3 năm gần nhất:

- Thống kê kim ngạch:** Đánh giá mức độ tăng trưởng xuất khẩu theo từng mã HS sang thị trường đang điều tra (như Canada hoặc Úc) để xác định xem có sự tăng trưởng đột biến (trên 15-20% trong một quý) hay không.

- Đối chiếu nguồn gốc nguyên liệu:** Giám sát mối tương quan giữa lượng nguyên liệu nhập khẩu (đặc biệt từ các nước đang bị áp thuế gốc) và lượng thành phẩm xuất khẩu tương ứng.

- Đánh giá mức độ ảnh hưởng:** Xác định tỷ trọng của thị trường bị điều tra trong tổng sản lượng xuất khẩu của doanh nghiệp để đưa ra chiến lược kháng

kiện phù hợp hoặc điều tiết lượng hàng kịp thời.

c. Kết nối cơ quan hữu quan và tư vấn bên ngoài

Việc thiết lập các kênh liên lạc ưu tiên giúp doanh nghiệp nhận được sự hỗ trợ pháp lý và chính trị cần thiết:

- **Liên hệ Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương):** Đây là đầu mối chính thức để nhận hướng dẫn về mặt thủ tục, các mốc thời gian pháp lý quan trọng và phối hợp trong các phiên tham vấn Chính phủ.

- **Thông báo cho các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài:** Nhờ sự hỗ trợ từ các Thương vụ tại nước nhập khẩu để nắm bắt các diễn biến mới nhất từ cơ quan điều tra nước bạn.

- **Kích hoạt mạng lưới tư vấn:** Liên hệ với các văn phòng luật sư có uy tín tại thị trường mục tiêu để bắt đầu xây dựng chiến lược pháp lý, vì họ am hiểu ngôn ngữ và các ngách pháp lý của cơ quan điều tra sở tại.

2. Chiến thuật xử lý Bản câu hỏi điều tra (Questionnaire)

Bản câu hỏi điều tra là công cụ chính để cơ quan điều tra thu thập bằng chứng. Doanh nghiệp cần chứng minh rằng sản phẩm xuất khẩu từ Việt Nam có giá trị gia tăng đáng kể và không phải là hành vi lẩn tránh thuế.

a. Chứng minh quy trình sản xuất thực chất (Physical Transformation)

Doanh nghiệp phải đưa ra các bằng chứng cụ thể để khẳng định quy trình sản xuất tại Việt Nam là phức tạp, không phải chỉ là lắp ráp hay hoàn thiện đơn giản:

- **Hồ sơ năng lực sản xuất:** Cung cấp nhật ký sản xuất chi tiết, định mức tiêu hao nguyên vật liệu thực tế và danh sách nhân công trực tiếp tham gia vào các công đoạn then chốt.

- **Bằng chứng về đầu tư:** Trình bày hồ sơ về giá trị máy móc, thiết bị, mức độ khấu hao tài sản cố định và các công nghệ đặc thù đã áp dụng (như cán, đúc đối với thép hoặc dệt, nhuộm đối với dệt may).

- **Mô tả quy trình chuyển đổi:** Khẳng định quy trình tại nhà xưởng đã làm thay đổi bản chất sản phẩm, thường là thay đổi mã HS ở cấp độ 4 số hoặc 6 số (quy tắc CTC).

b. Giải trình chi tiết chi phí giá thành (Cost of Production)

Mục tiêu là chứng minh giá bán phản ánh đúng giá trị kinh tế được tạo ra tại Việt Nam:

- **Bóc tách chi phí (Granular Break-down):** Hệ thống hóa chi phí cho từng mã hàng (SKU) bao gồm: chi phí nguyên liệu trực tiếp (mua trong nước

hoặc từ các nước không bị áp thuế), chi phí nhân công và chi phí quản lý chung.

- **Phân tích giá trị gia tăng:** Xây dựng bảng so sánh chi phí giữa nguyên liệu nhập khẩu và phần giá trị tăng thêm tại Việt Nam (như chi phí điện năng, lương bổng) để chứng minh tỷ lệ này đạt ngưỡng an toàn (thường trên 25%) theo quy định của các nước CPTPP.

- **Minh bạch dữ liệu tài chính:** Đảm bảo mọi số liệu trong bản trả lời phải khớp hoàn toàn với sổ cái và báo cáo tài chính đã được chuẩn hóa theo IFRS để tránh bị nghi ngờ về tính xác thực.

c. Tối ưu hóa lập luận về Lợi ích công cộng và Đối tác

- **Liên kết với nhà nhập khẩu:** Phối hợp với khách hàng tại nước sở tại để họ cung cấp dữ liệu chứng minh rằng sản phẩm Việt Nam cung cấp các đặc tính kỹ thuật mà ngành sản xuất nội địa nước họ không đáp ứng được.

- **Lập luận tác động kinh tế:** Đưa ra các phân tích cho thấy việc áp thuế tự vệ/chống lẩn tránh sẽ làm tăng chi phí sản xuất cho các ngành hạ nguồn và ảnh hưởng đến quyền lợi người tiêu dùng tại chính quốc gia điều tra.

d. Kiểm soát rủi ro “Dữ liệu sẵn có bất lợi” (AFA)

- **Tuân thủ thời hạn:** Gửi bản trả lời đúng hạn (thường là 15-30 ngày) hoặc

chủ động xin gia hạn sớm nếu có lý do chính đáng để không bị coi là thiếu hợp tác.

- **Kiểm tra chéo số liệu:** Bộ phận chuyên trách phải là đơn vị cuối cùng kiểm soát nội dung bản trả lời do luật sư soạn thảo, đảm bảo thông tin không mâu thuẫn với thực tế sản xuất và kho bãi.

3. Kỹ năng chuẩn bị thẩm tra tại chỗ (On-the-spot Verification)

Sau khi xem xét bản trả lời câu hỏi, cơ quan điều tra sẽ tiến hành thẩm tra tại chỗ để đối chiếu số liệu trên giấy tờ với thực tế sản xuất. Hệ thống dữ liệu minh bạch là bằng chứng duy nhất giúp doanh nghiệp vượt qua giai đoạn này.

a. Khớp nối và sắp xếp hồ sơ chứng từ (Audit Trail)

Doanh nghiệp phải chuẩn bị sẵn sàng một “vết tích kiểm toán” liên tục và logic cho toàn bộ vòng đời của sản phẩm bị điều tra:

- **Hồ sơ đầu vào:** Sắp xếp sẵn các hợp đồng mua hàng, hóa đơn GTGT, chứng từ thanh toán ngân hàng (SWIFT) đối với mọi loại nguyên liệu đầu vào. Cần có cam kết nguồn gốc từ nhà cung cấp nội địa để loại bỏ nghi vấn lẩn tránh qua “trung chuyển”.

- **Hồ sơ sản xuất:** Chuẩn bị các bản gốc nhật ký sản xuất, định mức tiêu hao nguyên vật liệu thực tế và bảng chấm

công nhân viên tại các công đoạn trực tiếp. Đây là bằng chứng sống cho thấy quy trình sản xuất là "thực chất" chứ không phải gia công đơn giản.

Hồ sơ xuất khẩu: Tập hợp đầy đủ tờ khai hải quan, vận đơn (Bill of Lading), chứng nhận xuất xứ (C/O) và chứng từ thanh toán tương ứng với từng lô hàng đã kê khai.

b. Sử dụng hệ thống truy xuất dữ liệu (Traceability)

Doanh nghiệp phải chứng minh được khả năng liên kết dữ liệu giữa nguyên liệu và thành phẩm:

- **Liên kết dữ liệu qua ERP:** Sử dụng phần mềm quản trị hoặc hệ thống quản lý kho để kết nối giữa mã nguyên liệu cụ thể với lô thành phẩm đầu ra.

- **Chứng minh thực tế:** Khi điều tra viên chọn mẫu một lô hàng bất kỳ, doanh nghiệp phải lập tức truy xuất được lô đó dùng nguyên liệu từ hóa đơn nào, nhập kho ngày nào và sản xuất trên dây chuyền nào.

- **Lưu trữ dài hạn:** Đảm bảo hồ sơ bản cứng và bản quét (scan) trong giai đoạn thẩm tra (thường kéo dài nhiều năm trước đó) vẫn còn đầy đủ và dễ dàng truy cập.

c. Tập huấn nhân sự trả lời phỏng vấn

Sự nhất quán giữa lời khai và chứng

từ là chìa khóa để tạo lòng tin với cơ quan điều tra:

- **Nhân sự chủ chốt:** Kế toán quản trị phải am hiểu cách bóc tách chi phí để giải trình số liệu trực tiếp với điều tra viên nước ngoài. Quản lý kho/sản xuất phải nắm rõ quy trình luân chuyển nguyên liệu thực tế.

- **Diễn tập thẩm tra:** Phối hợp với bộ phận pháp chế tự thực hiện các đợt "giả định thẩm tra" để phát hiện lỗ hổng trong chứng từ hoặc sự sai lệch giữa số liệu thực tế và tờ khai.

- **Quản lý luật sư sở tại:** Sử dụng luật sư am hiểu ngôn ngữ và văn hóa tổ tụng của cơ quan điều tra nước bạn để hỗ trợ thông dịch và tư vấn pháp lý ngay tại buổi làm việc.

d. Vai trò của bộ phận chuyên trách (PVTM)

- **Kiểm soát nội dung:** Bộ phận chuyên trách phải là đơn vị kiểm soát cuối cùng, đảm bảo mọi thông tin giải trình tại hiện trường phải khớp với bản trả lời câu hỏi đã nộp trước đó.

- **Kết nối cơ quan hữu quan:** Duy trì liên lạc với Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương) để được hướng dẫn về mặt thủ tục và xử lý các tình huống phát sinh ngay trong quá trình thẩm tra.

4. Chiến lược pháp lý và vận động hành lang

Bên cạnh việc trả lời tốt các bản câu hỏi và vượt qua thẩm tra, doanh nghiệp cần một chiến lược pháp lý sắc sảo và sự vận động khéo léo để xoay chuyển cục diện vụ kiện.

a. Thuê luật sư tư vấn sở tại có uy tín

- **Lựa chọn đơn vị tư vấn:** Ưu tiên thuê các văn phòng luật sư tại thị trường mục tiêu (như Canada hoặc Úc) vì họ am hiểu sâu sắc ngôn ngữ, văn hóa tố tụng và pháp lý của cơ quan điều tra nước bạn.

- **Vai trò của luật sư:** Luật sư sẽ giúp doanh nghiệp rà soát các lỗ hổng trong bản trả lời câu hỏi, soạn thảo các bản bình luận pháp lý (legal briefs) và đại diện doanh nghiệp trong các phiên điều trần.

- **Phối hợp nội bộ:** Bộ phận chuyên trách PVTM của doanh nghiệp phải là đơn vị kiểm soát cuối cùng nội dung báo cáo, đảm bảo thông tin luật sư đưa ra khớp hoàn toàn với thực tế sản xuất tại nhà máy.

b. Chiến dịch vận động các bên liên quan (Lobbying)

- **Liên minh với nhà nhập khẩu:** Chủ động phối hợp với khách hàng tại nước sở tại để họ kiến nghị lên Chính phủ của họ về tác động tiêu cực nếu áp thuế, như làm tăng chi phí sản xuất và

ảnh hưởng quyền lợi người tiêu dùng nội địa.

- **Tận dụng tiếng nói của các Hiệp hội hạ nguồn:** Liên kết với các hiệp hội ngành nghề tại nước nhập khẩu để chứng minh rằng sản phẩm Việt Nam là nguồn cung thiết yếu mà ngành sản xuất nội địa của họ không thể đáp ứng đủ về số lượng hoặc chất lượng.

c. Đấu tranh xin miễn trừ và loại trừ sản phẩm (Product Exclusion)

- **Xác định tính chuyên biệt:** Nếu doanh nghiệp chứng minh được hàng hóa của mình có đặc tính kỹ thuật cao hoặc chuyên biệt (ví dụ: thép dùng trong chế tạo máy CNC) mà sản xuất nội địa nước bạn không có, hãy nộp đơn xin loại trừ sản phẩm ngay lập tức.

- **Bác bỏ phạm vi điều tra:** Lập luận rằng sản phẩm của doanh nghiệp không cùng phân khúc hoặc không cạnh tranh trực tiếp với sản phẩm đang bị áp thuế gốc, từ đó yêu cầu cơ quan điều tra rút sản phẩm khỏi danh sách bị áp thuế chống lẩn tránh.

d. Đề xuất áp dụng Hạn ngạch thuế quan (TRQ)

- **Giải pháp dung hòa:** Trong trường hợp khó bác bỏ hoàn toàn cáo buộc lẩn tránh, doanh nghiệp có thể phối hợp với Chính phủ để đấu tranh xin áp dụng hạn ngạch thuế quan thay vì mức thuế tuyệt

đổi cao.

- **Duy trì thị phần:** Hình thức này cho phép một lượng hàng nhất định được nhập khẩu với mức thuế thấp, giúp doanh nghiệp duy trì mối quan hệ với các đối tác chiến lược dài hạn tại nước nhập khẩu.

Một số khuyến nghị chính sách và định hướng hỗ trợ doanh nghiệp từ góc nhìn hiệp hội và cơ quan nhà nước

I. TĂNG CƯỜNG HỆ THỐNG CẢNH BÁO SỚM VÀ CƠ CHẾ PHỐI HỢP

Trong bối cảnh các quốc gia thành viên CPTPP như Canada, Úc hay Mexico ngày càng siết chặt các biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM), đặc biệt là điều tra chống lẩn tránh thuế, việc xây dựng một hàng rào bảo vệ từ xa là yêu cầu cấp thiết. Hệ thống này không chỉ giúp doanh nghiệp tránh được thế bị động mà còn khẳng định sự minh bạch của nền sản xuất Việt Nam trên trường quốc tế.

1. Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm đa chiều

Hệ thống cảnh báo sớm về chống lẩn tránh thuế có những đặc thù rất khác biệt so với cảnh báo chống bán phá giá (CBPG) hay chống trợ cấp (CTC). Thay vì chỉ tập trung vào biên độ giá, hệ thống này phải tập trung vào luồng luân chuyển hàng hóa và cấu trúc của chuỗi cung ứng.

1.1. Thiết lập Cơ sở dữ liệu số quốc gia về Phòng vệ thương mại

Đây là nền tảng cốt lõi, đóng vai trò “bộ não” cho toàn bộ chiến lược phòng ngừa lẩn tránh thuế.

- **Tích hợp dữ liệu liên thông:** Cơ sở dữ liệu cần sự kết nối chặt chẽ giữa Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại) và Tổng cục Hải quan để tích hợp số liệu xuất nhập khẩu chi tiết theo mã HS.

- **Theo dõi nguồn nguyên liệu đầu vào:** Hệ thống phải có khả năng giám sát luồng nhập khẩu linh kiện, nguyên liệu từ các quốc gia đang bị áp thuế gốc vào Việt Nam. Điều này cho phép cơ quan quản lý nhận diện sớm nguy cơ khi có sự gia tăng đột biến lượng nguyên liệu nhập khẩu trùng khớp với thời điểm lượng xuất khẩu thành phẩm sang nước thứ ba tăng mạnh.

- **Chuẩn hóa hồ sơ năng lực sản xuất:** Tích hợp dữ liệu về năng lực sản xuất thực tế của từng doanh nghiệp và ngành hàng để làm cơ sở đối chiếu, chứng minh rằng sự gia tăng xuất khẩu là dựa trên năng lực sản xuất thật sự chứ không phải hành vi trung chuyển.

1.2. Ứng dụng công nghệ Big Data và AI trong nhận diện rủi ro

Việc xử lý hàng triệu dòng dữ liệu thương mại đòi hỏi các công cụ công nghệ hiện đại để phát hiện ra những “mô hình thương mại bất thường”.

- **Hệ thống Dashboard trực quan:** Xây dựng các biểu đồ tương tác hiển thị thời gian thực về biến động kim ngạch. Khi một dòng hàng vượt quá ngưỡng an toàn (ví dụ tăng trưởng 15-20% trong một quý mà nhu cầu thị trường không tăng tương ứng), hệ thống sẽ tự động gửi tín hiệu cảnh báo.

- **Công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI):** AI được sử dụng để phân tích các kịch bản “chuyển hướng thương mại” (trade diversion). Ví dụ, nếu Mỹ áp thuế lên thép Trung Quốc, AI sẽ dự báo và giám sát xem lượng thép đó có chuyển dịch vào Việt Nam để “thay tên đổi họ” trước khi xuất khẩu sang Canada hay không.

- **Nhận diện cấu trúc pháp lý bất thường:** Công nghệ cũng giúp theo dõi sự thay đổi quyền sở hữu hoặc sự xuất hiện đột ngột của các doanh nghiệp mới có quy mô sản xuất không tương xứng với sản lượng xuất khẩu, vốn là dấu hiệu điển hình của lẩn tránh thuế.

2. Cơ chế phối hợp ba bên “Nhà nước - Hiệp hội - Doanh nghiệp”

Để hệ thống cảnh báo không chỉ dừng lại ở các con số khô khan, cần một cơ chế vận hành nhịp nhàng giữa ba chủ thể chính. Sự phối hợp này tạo ra thế “kiềng ba chân” vững chắc giúp bảo vệ lợi ích quốc gia.

2.1. Bộ Công Thương - Đầu mối

điều phối và định hướng hành động

Cơ quan nhà nước đóng vai trò trung tâm, điều tiết thông tin từ thượng nguồn đến hạ nguồn.

- **Phân tích và dự báo chiến lược:** Bộ Công Thương chịu trách nhiệm tổng hợp dữ liệu từ các Thương vụ Việt Nam tại các nước CPTPP để nắm bắt các động thái điều tra mới nhất từ đối tác.

- **Định hướng hành động:** Dựa trên kết quả cảnh báo, Bộ đưa ra các khuyến nghị cụ thể cho doanh nghiệp về việc điều chỉnh nguồn cung nguyên liệu hoặc tăng tỷ lệ nội địa hóa để giảm thiểu rủi ro.

- **Hỗ trợ pháp lý quốc tế:** Khi vụ việc xảy ra, Bộ Công Thương đại diện Chính phủ tham gia các phiên tham vấn, đấu tranh với các cơ quan điều tra nước ngoài để bảo vệ quyền lợi cho các doanh nghiệp làm ăn chân chính.

2.2. Hiệp hội ngành hàng – “Tai mắt” và cầu nối thực tế

Hiệp hội có lợi thế sát sườn với thị trường và có khả năng tập hợp sức mạnh tập thể.

- **Theo dõi biến động thực tế:** Hiệp hội chủ động nhận biết nhanh tình trạng nhập khẩu nguyên liệu tăng bất thường hoặc hiện tượng “mượn danh” xuất xứ trong ngành mình quản lý.

- **Phát hành bản tin cảnh báo hàng**

quý: Định kỳ công bố các báo cáo phân tích rủi ro, nêu rõ các mặt hàng và thị trường đang nằm trong “vùng đỏ” để doanh nghiệp chủ động phòng ngừa.

Xây dựng “Bản đồ năng lực ngành”: Hiệp hội tổng hợp dữ liệu về số lượng nhà sản xuất, công suất máy móc và công nghệ để làm bằng chứng tập thể chứng minh năng lực sản xuất của Việt Nam là thực chất, không phải chỉ là lắp ráp đơn giản.

2.3. Doanh nghiệp - Chủ thể thực thi và chia sẻ thông tin

Doanh nghiệp là đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp, do đó cần có trách nhiệm tự bảo vệ mình và cộng đồng.

- **Chủ động chia sẻ dữ liệu:** Doanh nghiệp cần định kỳ cập nhật thông tin sản xuất và xuất nhập khẩu lên hệ thống chung của hiệp hội và Nhà nước để tăng tính minh bạch.

- **Phản ứng nhanh với cảnh báo:** Khi nhận được tín hiệu cảnh báo từ hệ thống Dashboard, doanh nghiệp phải lập tức rà soát lại chuỗi cung ứng, chuẩn bị sẵn hồ sơ xuất xứ hoặc điều chỉnh đối tác cung ứng để tránh bị “soi”.

3. Ý nghĩa và giá trị của sự phối hợp

Việc tăng cường cảnh báo sớm và phối hợp liên ngành mang lại những giá trị cốt lõi:

Giảm thiểu thiệt hại tài chính: Chi phí để ứng phó với một vụ điều tra chính thức lớn hơn gấp nhiều lần so với chi phí phòng ngừa và xây dựng hệ thống tuân thủ từ đầu.

Nâng cao uy tín quốc gia: Sự minh bạch trong quản lý dữ liệu giúp Việt Nam xây dựng hình ảnh một đối tác thương mại tin cậy trong khối CPTPP, từ đó được hưởng những ưu đãi đặc biệt hoặc được loại trừ khỏi các biện pháp áp thuế toàn quốc.

Thúc đẩy nội địa hóa thực chất: Cảnh báo sớm không chỉ để “trôn” thuế mà còn là động lực để doanh nghiệp đầu tư sâu hơn vào công nghệ, giảm phụ thuộc nguyên liệu ngoại khối, tạo ra giá trị gia tăng thực sự tại Việt Nam.

II. HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ VÀ QUẢN LÝ XUẤT XỨ (C/O)

Trong các vụ việc chống lẩn tránh tại khối CPTPP, xuất xứ hàng hóa không chỉ là một thủ tục hành chính mà là “chìa khóa” quyết định sự sống còn của dòng sản phẩm. Khác với điều tra bán phá giá, chống lẩn tránh nhắm trực diện vào việc hàng hóa có thực sự được tạo ra giá trị tại Việt Nam hay không. Do đó, hoàn thiện khung pháp lý và năng lực quản lý C/O là yêu cầu cấp bách.

1. Chuẩn hóa quy định về xuất xứ theo thông lệ quốc tế

Việt Nam cần một hệ thống quy tắc xuất xứ chặt chẽ, tiệm cận với các tiêu chuẩn khắt khe nhất của các thị trường như Canada hay Úc.

1.1. Cụ thể hóa quy tắc xuất xứ cho từng ngành hàng nhạy cảm

- **Rà soát văn bản pháp luật:** Bộ Công Thương cần thường xuyên cập nhật và rà soát các văn bản hiện hành để đảm bảo sự thống nhất với các cam kết trong CPTPP và thông lệ quốc tế.

- **Chi tiết hóa các tiêu chí kỹ thuật:** Đối với các ngành như thép, xe đạp hay dệt may, cần định nghĩa rõ ràng các công đoạn “gia công chế biến đáng kể”. Ví dụ, tiêu chí chuyển đổi mã số thuế (CTC) hoặc hàm lượng giá trị gia tăng (VAC) phải được minh họa bằng các kịch bản cụ thể để doanh nghiệp dễ dàng áp dụng.

- **Ban hành hướng dẫn ngành:** Cơ quan quản lý nên xây dựng các bộ hướng dẫn riêng cho từng nhóm mặt hàng có rủi ro cao, giúp doanh nghiệp tự đối chiếu khả năng đáp ứng xuất xứ trước khi xuất khẩu.

1.2. Số hóa toàn diện quy trình cấp và quản lý C/O

- **Xây dựng hệ thống điện tử tập trung:** Việc số hóa hoàn toàn quy trình khai báo và cấp C/O giúp giảm thiểu sai sót từ con người và ngăn chặn các hành vi gian lận xuất xứ ngay từ

khâu nộp hồ sơ.

- **Thiết lập cơ sở dữ liệu xuất xứ:** Hệ thống này cho phép lưu trữ lâu dài và kết nối dữ liệu giữa các bộ ngành (Công Thương, Hải quan), tạo thuận lợi cho việc kiểm tra chéo khi có yêu cầu từ cơ quan điều tra nước ngoài.

- **Minh bạch hóa lộ trình hồ sơ:** Doanh nghiệp có thể theo dõi trạng thái hồ sơ trực tuyến, đồng thời cơ quan quản lý có thể phát hiện nhanh các doanh nghiệp có sản lượng xuất khẩu tăng bất thường so với năng lực sản xuất đã đăng ký.

2. Nâng cao năng lực quản lý và thực thi hồ sơ xuất xứ

Hệ thống pháp lý chỉ phát huy tác dụng khi đi kèm với năng lực thực thi mạnh mẽ từ phía cơ quan quản lý và sự hiểu biết thấu đáo từ phía hiệp hội.

2.1. Xây dựng “Cẩm nang xuất xứ” và diễn tập thực chiến

- **Vai trò của Hiệp hội:** Hiệp hội ngành hàng cần chủ động xây dựng “Cẩm nang xuất xứ” tập hợp các tình huống thực tế và bài học từ các vụ việc quốc tế (như vụ Winlong hay Martlet tại Anh) để doanh nghiệp rút kinh nghiệm.

- **Đào tạo kỹ năng tính toán:** Tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu hướng dẫn doanh nghiệp cách tính toán tỷ lệ nội địa hóa, cách bóc tách chi phí linh kiện từ nước bị áp thuế gốc để đảm bảo luôn

nằm trong ngưỡng an toàn (thường giá trị gia tăng phải trên 25%).

Hỗ trợ chuẩn bị bộ “Hồ sơ xuất xứ chuẩn”: Hướng dẫn doanh nghiệp lập sẵn bộ hồ sơ bao gồm chứng từ nhập khẩu nguyên liệu, nhật ký sản xuất và hóa đơn xuất khẩu, sẵn sàng cung cấp ngay khi có yêu cầu điều tra đột xuất.

2.2. Tăng cường cơ chế kiểm tra và giám sát liên ngành

• **Phối hợp Hải quan - Công Thương:** Thiết lập cơ chế kiểm tra chéo định kỳ để phát hiện các lô hàng có dấu hiệu gian lận xuất xứ hoặc "mượn đường" qua Việt Nam.

• **Sử dụng dữ liệu tập thể làm bằng chứng:** Hiệp hội đóng vai trò thu thập dữ liệu về tổng năng lực thiết bị và sản lượng của ngành để làm bằng chứng tập thể chứng minh với thế giới rằng ngành sản xuất của Việt Nam là có thật và đủ năng lực cung ứng.

• **Kiểm tra năng lực sản xuất thực tế:** Cơ quan cấp C/O cần tăng cường hậu kiểm, trực tiếp xuống nhà xưởng của các doanh nghiệp có kim ngạch tăng nóng để xác minh máy móc và nhân công có tương xứng với tờ khai hay không.

III. CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH NỘI ĐỊA HÓA VÀ PHÁT TRIỂN CỤM NGÀNH

Trong điều tra chống lẩn tránh, yếu tố cốt lõi không nằm ở giá bán hay trợ cấp, mà nằm ở năng lực sản xuất thực chất tại Việt Nam. Nếu doanh nghiệp chỉ nhập linh kiện từ nước bị áp thuế rồi lắp ráp sơ sài, nguy cơ bị áp thuế là rất cao. Ngược lại, một tỷ lệ nội địa hóa cao là bằng chứng thuyết phục nhất để chứng minh doanh nghiệp không tham gia vào hoạt động lẩn tránh.

1. Vai trò của chính sách Nhà nước trong thúc đẩy nội địa hóa

Để khuyến khích doanh nghiệp giảm phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu ngoại khối (đặc biệt là từ các nước đang bị áp thuế gốc), Nhà nước cần có những biện pháp đồng bộ và mạnh mẽ.

1.1. Ưu đãi thuế và tín dụng cho công nghiệp phụ trợ

• **Chính sách ưu đãi tài chính:** Áp dụng các gói ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và giảm thuế nhập khẩu máy móc cho các đơn vị đầu tư vào dây chuyền sản xuất linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu trong nước.

• **Hỗ trợ tiếp cận vốn:** Triển khai các chương trình tín dụng ưu đãi với lãi suất thấp dành riêng cho các dự án nội địa hóa các mặt hàng nhạy cảm thường xuyên bị điều tra lẩn tránh như thép, dệt may, xe đạp.

Chương trình chuyển giao công

nghe: Khuyến khích và hỗ trợ tài chính cho các hoạt động chuyển giao công nghệ từ các tập đoàn FDI sang doanh nghiệp nội địa, giúp nâng cao hàm lượng kỹ thuật trong sản phẩm.

1.2. Quy hoạch và phát triển các cụm công nghiệp chuyên ngành

• **Xây dựng hệ sinh thái sản xuất:** Nhà nước cần quy hoạch các cụm công nghiệp tập trung cho từng ngành hàng cụ thể để doanh nghiệp dễ dàng tận dụng lẫn nhau về nguồn nguyên liệu, bán thành phẩm và dịch vụ kỹ thuật tại chỗ.

• **Hỗ trợ hạ tầng chuyên biệt:** Đầu tư hạ tầng logistics và xử lý chất thải đặc thù cho các cụm ngành công nghiệp nặng hoặc dệt nhuộm, giúp doanh nghiệp giảm chi phí đầu tư ban đầu và tăng khả năng cạnh tranh nội địa.

2. Vai trò của Hiệp hội trong kết nối và phát triển chuỗi cung ứng

Hiệp hội ngành hàng đóng vai trò là “chất xúc tác” để hình thành mạng lưới sản xuất nội địa mạnh mẽ.

2.1. Xây dựng “Bản đồ công nghiệp phụ trợ”

• **Hệ thống dữ liệu nhà cung cấp:** Hiệp hội nên xây dựng danh mục chi tiết các nhà cung cấp nội địa theo sản phẩm, quy mô và năng lực kỹ thuật. Đây là công cụ hữu ích giúp doanh nghiệp dễ dàng tìm kiếm đối tác thay thế cho

nguồn hàng nhập khẩu từ các “điểm nóng”.

• **Kết nối cung - cầu:** Tổ chức các hội nghị kết nối giao thương định kỳ giữa các doanh nghiệp sản xuất thành phẩm lớn với các đơn vị sản xuất linh kiện vừa và nhỏ trong nước.

2.2. Khảo sát và tham mưu chính sách

• **Đánh giá mức độ nội địa hóa:** Định kỳ thực hiện các cuộc khảo sát về tỷ lệ nội địa hóa thực tế trong ngành để đưa ra các khuyến nghị chính sách sát với thực tế cho cơ quan quản lý.

• **Xây dựng tiêu chuẩn ngành:** Hỗ trợ doanh nghiệp hội viên xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng nội địa, tạo lòng tin cho các nhà sản xuất thành phẩm khi sử dụng nguyên liệu trong nước.

3. Định hướng hành động cho doanh nghiệp

Doanh nghiệp là chủ thể trực tiếp thực hiện nội địa hóa để tự bảo vệ thị phần xuất khẩu của mình.

• **Chủ động tìm kiếm đối tác nội địa:** Thay vì phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu giá rẻ, doanh nghiệp cần tích cực hợp tác với các nhà cung cấp trong nước hoặc các đối tác trong khối CPTPP để đạt tiêu chí xuất xứ thực chất.

• **Đầu tư vào công đoạn tạo giá trị**

cao: Tập trung đầu tư vào các khâu sản xuất có độ phức tạp cao như nấu luyện, cán, đúc (ngành thép) hoặc dệt, nhuộm, thiết kế (ngành dệt may) thay vì chỉ dừng lại ở cắt, dập, may sơ sài.

• **Định kỳ tính toán giá trị gia tăng:** Xây dựng quy trình tự kiểm tra, tính toán tỷ lệ hàm lượng giá trị gia tăng tạo ra tại Việt Nam để đảm bảo luôn đạt mức an toàn (thường trên 25%) theo chuẩn quốc tế.

IV. TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC PHÁP LÝ VÀ ĐỐI THOẠI QUỐC TẾ

Trong các vụ điều tra chống lẩn tránh, năng lực pháp lý không chỉ dừng lại ở việc hiểu luật mà còn là khả năng giải trình và thuyết phục cơ quan điều tra nước ngoài về tính hợp pháp của mô hình kinh doanh. Đây là mắt xích quan trọng cuối cùng để chuyển hóa những nỗ lực sản xuất thành kết quả miễn trừ thuế thực tế.

1. Vai trò then chốt của năng lực pháp lý chuyên sâu

Khác với các vụ kiện truyền thống, điều tra chống lẩn tránh yêu cầu sự am hiểu về cấu trúc pháp lý doanh nghiệp và chuỗi giá trị toàn cầu.

• **Đầu tư vào tư vấn chuyên nghiệp:** Doanh nghiệp cần chủ động thuê các văn phòng luật sư có uy tín tại thị trường

mục tiêu (như Canada, Úc hoặc Mexico) để đại diện pháp lý. Các luật sư sở tại không chỉ am hiểu ngôn ngữ mà còn nắm rõ các quy định pháp lý và tiền lệ xử lý của cơ quan điều tra nước họ.

• **Thẩm định hồ sơ pháp lý nội bộ:** Nhân sự pháp chế của doanh nghiệp phải phối hợp với luật sư để rà soát toàn bộ hệ thống hợp đồng, hóa đơn và các văn bản chuyển nhượng quyền sở hữu (nếu có) để đảm bảo không có mâu thuẫn trong hồ sơ giải trình.

Chuẩn bị cho các phiên điều trần:

Doanh nghiệp cần rèn luyện kỹ năng tranh biện và trình bày chứng cứ tại các buổi điều trần quốc tế nhằm bác bỏ các cáo buộc lẩn tránh từ các hiệp hội sản xuất nội địa nước nhập khẩu.

2. Thúc đẩy đối thoại quốc tế và ngoại giao thương mại

Sự hỗ trợ từ cấp Chính phủ và các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài là điểm tựa quan trọng giúp doanh nghiệp giảm bớt áp lực từ cơ quan điều tra.

• **Vai trò của Thương vụ Việt Nam:** Các cơ quan đại diện tại các nước CPTPP cần tăng cường thu thập thông tin, sớm nhận diện các thay đổi trong chính sách PVTM của nước sở tại để cảnh báo về nước.

• **Cơ chế tham vấn Chính phủ:** Khi một vụ việc khởi xướng, Bộ Công

Thương và các cơ quan hữu quan cần tham gia tích cực vào các phiên tham vấn với cơ quan điều tra nước bạn để khẳng định năng lực sản xuất thực chất của Việt Nam và yêu cầu sự công bằng trong đối xử.

Hợp tác kỹ thuật liên quốc gia: Tăng cường trao đổi, đối thoại với cơ quan điều tra các nước (như TRA của Anh hay các cơ quan tương đương trong CPTPP) để thống nhất về các phương pháp xác định hành vi lừa tránh, giảm thiểu việc áp dụng các quy tắc quá khắt khe gây khó cho hàng hóa Việt Nam.

3. Vai trò hỗ trợ của Hiệp hội trong hoạt động đối ngoại

• **Kết nối mạng lưới luật sư:** Hiệp hội có thể đứng ra ký kết hợp tác dài hạn với các công ty luật quốc tế để cung cấp dịch vụ tư vấn với chi phí ưu đãi cho các doanh nghiệp hội viên.

• **Tổ chức các diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm:** Hiệp hội nên định kỳ tổ chức các buổi tọa đàm, mời các chuyên gia quốc tế và các doanh nghiệp từng thắng kiện (như Winlong hay Martlet) để chia sẻ bí quyết đối thoại và làm việc với cơ quan điều tra.

• **Vận động hành lang quốc tế:** Thông qua mạng lưới các hiệp hội quốc tế, Hiệp hội ngành hàng Việt Nam có thể tìm kiếm sự ủng hộ từ các hiệp hội nhập khẩu và hạ nguồn nước bạn để cùng lên tiếng bảo vệ luồng thương mại tự do.



**CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI
TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ CẢNH BÁO**

Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Cửa Nam
, Hà Nội

Tel: (024) 73037898 - (024) 39393422

Fax: (024) 73037897

Website: www.trav.gov.vn

Email: TRAV@moit.gov.vn